CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102264629, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166, L=Thanh Xuân, S=Hà Nội, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location: Ha Noi
Date: 2020-04-17 10:59:13

LICOGI 166

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020

Hà Nội, tháng 04 năm 2020

CÔNG TY CP LICOGI 166

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020

Thời gian: Từ 08h00-12h00 Thứ 3 ngày 28 tháng 04 năm 2020

Địa điểm: Tầng 4, Tòa JSC34, Ngõ 164 Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội.

TT	NỘI DUNG	THỜI GIAN	PHÂN CÔNG THỰC HIỆN
I. THỦ TỤC			
1	- Đón tiếp đại biểu, khách mời	8h00'	HĐQT, Ban TGĐ
2	- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	8h30'	Ban tổ chức
3	- Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội	8h35'	Ban tổ chức
4	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	8h45'	Ban kiểm tra tư cách cổ đông do HĐQT phân công
5	- Giới thiệu chủ toạ, thông qua đoàn chủ tịch, tổ thư ký, Ban kiểm phiếu	9h00'	Ban Tổ chức
II. CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ			
6	Thông qua chương trình nghị sự của Đại hội	9h05'	Chủ tọa Đại hội
7	**Hội đồng Quản trị, Ban TGĐ trình bày báo cáo:** - Báo cáo hoạt động của HĐQT về hoạt động của HĐQT năm 2019 và mục tiêu hoạt động năm 2020. - Báo cáo của Ban giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019, Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2020. - Báo cáo của tiểu ban kiểm toán nội bộ. - Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019	9h10'	Chủ tọa đại hội phân công

8	**Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ phê duyệt:** - Tờ trình phê duyệt báo cáo kết quả hoạt động SXKD 2019, kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2020 và phê duyệt báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019, kế hoạch hoạt động năm 2020. - Tờ trình thông qua báo cáo hoạt động của Tiểu ban kiểm toán nội bộ. - Tờ trình phê duyệt báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019. - Tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2020 thông qua phương án cổ tức và trích lập các quỹ năm 2019, kế hoạch cổ tức năm 2020. - Tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2020 thông qua báo cáo quyết toán thù lao năm 2019 và kế hoạch thù lao của HĐQT năm 2020. - Tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2020 thông qua phương án lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.	9h45'	Chủ tọa đại hội phân công
9	- Đại hội thảo luận	10h15'	
III. BIỂU QUYẾT, BẦU CỬ			
10	- Biểu quyết thông qua các nội dung từ mục 7 đến mục 9	10h45'	Chủ tọa Đại hội
11	Đại hội nghỉ giải lao	11h10'	
12	Báo cáo kết quả kiểm phiếu	11h35'	Ban kiểm phiếu
IV. BẾ MẠC			
13	Thông qua Biên bản, nghị quyết Đại hội	11h50'	Thư ký
14	Tuyên bố bế mạc	12h00'	Chủ tọa Đại hội

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

PHÍ NGỌC ANH

CÔNG TY CP LICOGI 166
Số: 01/2020/QC-HĐQT

DỰ THẢO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2020

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020 CÔNG TY CP LICOGI 166

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng, mục tiêu:

Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 (gọi tắt là Đại hội) của Công ty Cổ phần Licogi 166 (gọi tắt là Công ty).

Đảm bảo nguyên tắc, công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội được thực hiện thành công tốt đẹp, tuân thủ các quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương II
THÀNH PHẦN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 2. Thành phần tham gia Đại hội:

2.1. Đoàn chủ tịch gồm 03 người là ủy viên Hội đồng quản trị, trong đó Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội.

2.2. Ban thư ký Đại hội gồm 02 người.

2.3. Ban kiểm phiếu gồm 05 người.

2.4. Các thành phần trên được đề cử và do Đại hội biểu quyết thông qua.

2.5. Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách phân bổ quyền tham dự Đại hội do Trung tâm lưu ký chứng khoán cấp theo Danh sách Tổng hợp người sở hữu chứng khoán số V446/2020-LCS/VSD-ĐK do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 01/04/2020 và người được cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội.

2.6. Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm 04 người (do Hội đồng quản trị phân công).

Chương III
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông, đại diện cổ đông.

3.1. Tất cả cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội được quyền tham gia đóng góp ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền của mình.

3.2. Khi tới tham dự Đại hội cổ đông, đại diện cổ đông phải mang theo Giấy tờ tùy thân và Thư mời tham dự Đại hội nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông,

(trường hợp được cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội phải mang theo Giấy tờ tùy thân và Giấy ủy quyền (không được ủy quyền cho người thứ ba).

3.3. Cổ đông, đại diện cổ đông đến dự Đại hội muộn, có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham dự và biểu quyết ngay tại Đại hội, Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đăng ký, hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

3.4. Các cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

Điều 4. Quyền và trách nhiệm của Chủ tọa Đại hội.

4.1. Chủ toạ có trách nhiệm:

- Chủ trì và Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ, Quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ và quyết định theo đa số.

- Chủ tọa trình bày chương trình, nội dung các tờ trình, dự thảo, trả lời hoặc chỉ định cán bộ chuyên môn trả lời chất vấn, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.

4.2. Chủ toạ có quyền:

- Thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật và Điệu lệ của Công ty.

- Yêu cầu tất cả mọi người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

- Yêu cầu Ban Tổ chức trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ toạ, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp.

Chủ toạ có quyền hoãn Đại hội khi đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:

+ Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả cổ đông và đại diện cổ đông tham dự.

+ Cổ đông hoặc đại diện cổ đông dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp…

- Thời gian hoãn cuộc họp tối đa không quá 3 ngày kể từ ngày ra quyết định hoãn.

Giải quyết các vấn đề phát sinh khác trong suốt quá trình diễn ra Đại hội.

- Quyết định của Chủ toạ về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký.

5.1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại Đại hội, các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

5.2. Soạn thảo và công bố Biên bản cuộc họp và dự thảo Nghị quyết về các vấn đề đã được Đại hội thông qua.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu.

6.1. Hướng dẫn thủ tục biểu quyết theo Quy chế làm việc của Đại hội.

6.2. Tổng hợp và xác định kết quả biểu quyết và các vấn đề khác được thông qua tại Đại hội.

6.3. Thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.

6.4. Tổ chức kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả biểu quyết tại Đại hội.

6.5. Xem xét và báo cáo với Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn từ khiếu nại về biểu quyết.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

Tổ chức thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội, lập Biên bản thẩm tra và công bố kết quả thẩm tra trước Đại hội.

Điều 8. Trật tự của Đại hội.

8.1. Cổ đông, đại diện cổ đông khi vào hội trường phải tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.

8.2. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội, tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không để chế độ chuông.

8.3. Các cổ đông, đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội cổ đông từ khi bắt đầu Đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trong trường hợp cổ đông, đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông, đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để thông báo ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông, đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội.

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội:

9.1 Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

9.2 Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

9.3 Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

Chương IV
CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI

Điều 10. Nội dung làm việc của Đại hội.

10.1. **Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc báo cáo Đại hội:**

- Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động của HĐQT năm 2019 và mục tiêu hoạt động năm 2020.

- Báo cáo của Ban tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019, Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2020.

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019.

10.2. **Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc trình Đại hội phê duyệt:**

- Tờ trình phê duyệt báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019, kế hoạch hoạt động năm 2020 và báo cáo kết quả hoạt động SXKD 2019, kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2020.

- Tờ trình thông qua Báo cáo hoạt động của Tiểu ban kiểm toán độc lập.

- Tờ trình phê duyệt báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019.

- Tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2020 thông qua phương án cổ tức và trích lập các quỹ năm 2019, kế hoạch cổ tức năm 2020.

- Tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2020 thông qua báo cáo quyết toán thù lao năm 2019 và kế hoạch thù lao của HĐQT năm 2020.

- Tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2020 thông qua phương án lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

10.3. **Báo cáo kết quả kiểm phiếu.**

10.4. Đại hội thông qua biên bản và Nghị quyết.

Điều 11. Phát biểu ý kiến tại Đại hội.

- Cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội muốn phát biểu ý kiến thảo luận, phải giơ tay đề nghị và được sự đồng ý của Chủ tọa hoặc thông qua phiếu đóng góp ý kiến. Nội dung phát biểu thảo luận của cổ đông phải ngắn gọn, đúng trọng tâm và trong phạm vi chương trình nội dung của Đại hội.

Điều 12. Thể lệ biểu quyết tại Đại hội.

12.1. Nguyên tắc: Các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

Mỗi cổ đông sẽ được cấp một phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu hoặc được uỷ quyền, phiếu biểu quyết có ghi rõ họ tên, số cổ phần biểu quyết và có đóng dấu treo của Công ty.

12.2. Hình thức biểu quyết: Cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền biểu quyết các nội dung trong chương trình Đại hội theo một trong hai hình thức sau:

Hình thức giơ Thẻ biểu quyết:

+ Thông qua Đoàn chủ tịch và Chủ tọa, Ban thư ký.

+ Thông qua Quy chế điều hành Đại hội và các Quy chế khác (nếu có).

+ Các nội dung của Hội đồng quản trị trình Đại hội.

+ Thông qua dự thảo Nghị quyết Đại hội.

Hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các nội dung tờ trình Đại hội, được xác định và ghi rõ trong từng phiếu biểu quyết gửi cho mỗi cổ đông.

12.3. Cách thức biểu quyết:

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Khoản 12.2 Điều này.

- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như việc biểu quyết cho vấn đề đó là không ý kiến. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ

biểu quyết, Thành viên Ban kiểm phiếu/Ban kiểm tra tư cách đại biểu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến.

- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" hoặc "✓" vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

12.4. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Phiếu không phải do Ban tổ chức phát ra
- Phiếu không có đầy đủ chữ ký và ghi rõ họ tên của Đại biểu;
- Phiếu biểu quyết bị gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm nội dung biểu quyết;

Các vấn đề biểu quyết không được lựa chọn hoặc lựa chọn nhiều hơn một phương án cho một Tờ trình Đại hội thì nội dung đó được coi là không hợp lệ.

12.5. Thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội.

a. Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một quyền biểu quyết.

b. Các nội dung quy định tại điều 10 quy chế này được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

c. Việc bầu cử thành viên HĐQT phải được thực hiện theo Quy chế bầu cử thành viên HĐQT được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại đại hội.

Điều 13. Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội.

13.1. Biên bản Đại hội: Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký ghi vào Biên bản, biên bản Đại hội phải được đọc để Đại hội biểu quyết thông qua.

13.2. Dự thảo Nghị quyết Đại hội: Căn cứ biên bản Đại hội, kết quả kiểm phiếu, Ban thư ký tổng hợp số liệu và đưa vào dự thảo Nghị quyết Đại hội. Dự thảo Nghị quyết Đại hội được đọc và biểu quyết thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành.

14.1. Tất cả những vấn đề khác không quy định trong quy chế này sẽ được thực hiện theo điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán.

14.2. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua, kính trình Đại hội xem xét thông qua để việc tổ chức Đại hội được thực hiện thành công tốt đẹp và tuân thủ theo các quy định của Pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

PHÍ NGỌC ANH

CÔNG TY CP LICOGI 166
Số: 01 /2020/BC-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020

Kính thưa quý vị Cổ đông!

Thưa toàn thể Đại hội!

Năm 2019 là năm diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn nhiều yếu tố khó lường, chịu ảnh hưởng bởi các yếu khách quan như chiến tranh thương mại Mỹ -Trung, căng thẳng thương mại giữa các nước lớn gia tăng, tỷ lệ lạm phát toàn cầu tăng cao hơn cùng kỳ năm ngoái.

Trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng giao thông, tuy có nhiều dự án lớn nằm trong kế hoạch triển khai năm 2019 như cao tốc Bắc Nam, Vân Đồn – Móng Cái, Trung Lương – Mỹ Thuận, Chi Lăng – Hữu Nghị ..., mở ra không ít cơ hội nhưng cũng đi kèm thách thức đối với những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hạ tầng giao thông như Licogi 166.

Không nằm ngoài khó khăn chung trong lĩnh vực kinh doanh của mình, năm 2019 hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Licogi 166 đã có bước tiến triển rõ rệt nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn. Cụ thể, trong năm 2019 chúng ta đã giành được 02 hợp đồng xây dựng hạ tầng giao thông tại Hà nội sử dụng vốn ngân sách nhà nước nhưng bên cạnh đó các dự án đã triển khai thi công từ các năm trước gặp khó khăn trong công tác thu hồi vốn. Từ đó đã tạo nên áp lực tài chính lên quá trình hoạt động cũng như tạo nên sự xáo trộn nhất định lên bộ máy vận hành của Công ty.

Thay mặt Hội đồng quản trị Tôi xin phép trình bày trước toàn thể Đại hội về hoạt động của HĐQT năm 2019, và phương hướng hoạt động năm 2020, như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

I. CƠ CẤU, NGHỊ QUYẾT VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2018.

1. Cơ cấu HĐQT, các cuộc họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị:

- Cơ cấu Hội đồng quản trị hiện nay gồm có 5 thành viên, trong đó có 4 thành viên không tham gia điều hành.

- Trong năm 2019 HĐQT đã họp 8 lần và 8 lần cho ý kiến thông qua các vấn đề bằng văn bản với tỷ lệ 100% thành viên HĐQT tham gia.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Phí Ngọc Anh	Chủ tịch	8	100%	
2	Ông Vũ Công Hưng	Thành viên HĐQT	8	100%	
3	Nguyễn Anh Tú	Thành viên HĐQT	6	75%	
4	Lê Đình Đáp	Thành viên HĐQT	8	100%	
5	Bùi Thị Nhân Huệ	Thành viên HĐQT độc lập	8	100%	

2. Các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã ban hành năm 2019:

a. Nghị quyết, Quyết định và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

- HĐQT đã thống nhất và thông qua 5 Nghị quyết và Quyết định liên quan đến thẩm quyền của HĐQT.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	02/2019/NQ-HĐQT	18/03/2019	- Chấp thuận đơn xin thôi đảm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật Ông Phan Văn Minh kể từ ngày 21/03/2019 - Bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật Công ty CP Licogi 166 đối với Ông Vũ Công Hưng kể từ ngày 21/03/2019.
2	07/2019/NQ-HĐQT	29/03/2019	- Thống nhất thời gian tổ chức và nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
3	10/2019/NQ-HĐQT	18/04/2019	- Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc của Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu xây dựng Licogi 166 đối với

			Ông Đặng Văn Quang kể từ ngày 18/04/2019.
4	31/2019/NQ-HĐQT	18/06/2019	Phê duyệt bán thanh lý 06 thiết bị theo hình thức chào giá công khai với tổng giá trị thanh lý là 7.900.000.000 VNĐ
5	37/2019/NQ-HĐQT	13/08/2019	Phê duyệt chủ trương thống nhất thực hiện dự án thi công Cống hóa thành mương kín để làm đường giao thông tuyến mương Đồng Bông với giá trị hợp đồng: 58.804.592.176 đồng.

b. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019:

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	KẾT QUẢ THỰC HIỆN
1	**Sản xuất kinh doanh 2019**		
	Sản lượng	269,133 tỷ VNĐ	304,071 tỷ VNĐ (đạt 113% kế hoạch)
	Doanh thu	208,044 tỷ VNĐ	280,010 tỷ VNĐ (đạt 135% kế hoạch)
	Lợi nhuận trước thuế	0,5 tỷ VNĐ	1,211 tỷ VNĐ (đạt 242% kế hoạch)
2	Tổng vốn đầu tư	2 tỷ VNĐ	0 tỷ VNĐ
3	Cổ tức năm 2019	Không chi trả cổ tức	Thực hiện đúng
4	Lựa chọn Công ty Kiểm toán	Lựa chọn Công ty Kiểm toán	Hoàn thành
5	Thù lao HĐQT	Thù lao HĐQT	Thực hiện đúng

3. Phân tích các chỉ tiêu của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

- Chỉ tiêu 1: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

Kết thúc năm tài chính 2019 sản lượng đạt mức 304,071 tỷ/269,133 tỷ VNĐ (đạt 113% kế hoạch) doanh thu của Công ty đạt mức 280,010/208,044 tỷ VNĐ đạt 135% trên tổng kế hoạch, mức lợi nhuận là 1,211/0,5 tỷ VNĐ (đạt

242% trên tổng kế hoạch). Năm 2019 Công ty đã ký kết được 2 hợp đồng thi công các Dự án Cống hóa Đồng Bông và Dự án Đê An Dương với tổng giá trị 166 tỷ đồng.

- Chỉ tiêu 2: Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua kế hoạch đầu tư năm 2019 với tổng mức đầu tư là 2 tỷ VNĐ. Do việc sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên không đầu tư tài sản mới, chưa được kế hoạch đầu tư đặt ra.

- Chỉ tiêu 3: Không chi trả cổ tức thực hiện đúng

- Chỉ tiêu 4: Lựa chọn Công ty kiểm toán:

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 ủy quyền cho HĐQT lựa chọn 1 trong các đơn vị kiểm toán có tên trong danh sách các Công ty kiểm toán được phép kiểm toán các Công ty đại chúng niêm yết theo quy định của UBCK NN. HĐQT đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2019.

- Chỉ tiêu 5: Thù lao HĐQT:

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, mức chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, như sau:

Stt	Đối tượng	Mức chi/tháng	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	5.000.000 VNĐ	
2	Thành viên HĐQT	3.000.000 VNĐ	
3	Thư ký HĐQT	2.000.000 VNĐ	

Kết quả thực hiện theo mức đã được ĐHĐCĐ thông qua.

II. THÔNG TIN SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CÁN BỘ CHỦ CHỐT VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN:

THÔNG TIN SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CÁN BỘ CHỦ CHỐT:

TT	Họ và tên	Chức vụ tại công ty	Số cổ phiếu sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Phí Ngọc Anh	Chủ tịch HĐQT	0	0%
2	Ông Vũ Công Hưng	Thành viên HĐQT	85.000	1,12%
3	Ông Nguyễn Anh Tú	Thành viên HĐQT	18.000	0,24%

4	Bà Bùi Thị Nhân Huệ	Thành viên HĐQT độc lập	38.900	0,51%
5	Ông Lê Đình Đáp	Thành viên HĐQT	0	0%
6	Bà Hà Thị Huê	Kế toán trưởng	5.100	0,07%

III. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2019:

Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi với Ban Tổng giám đốc để giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và chỉ đạo thực hiện các quyết sách của HĐQT. Các hoạt động giám sát cụ thể của HĐQT trong năm qua, gồm có:

- Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị chỉ đạo quyết liệt công tác sản xuất, khai thác và tìm kiếm thị trường (đặc biệt là công tác xuất khẩu sản phẩm) cho mỏ đá Licogi 166 tại Hà Tĩnh.

- HĐQT thường xuyên tổ chức họp, quyết liệt chỉ đạo các giải pháp để tháo gỡ khó khăn về tài chính, quyết liệt chỉ đạo công tác thu hồi công nợ từ các dự án, giải quyết công nợ với Ngân hàng, cá nhân và các nhà cung cấp.

- Chỉ đạo Ban điều hành tổ chức lại đội ngũ CBCNV Công ty theo chiều hướng tinh gọn, hiệu quả, trình độ chuyên môn cao, đồng thời ổn định tinh thần, tư tưởng cho CBCNV. Tổ chức lại bộ máy nhân sự của Công ty đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành và triển khai thực hiện các dự án lớn trong tương lai.

- Ngoài các cuộc họp định kỳ, HĐQT tổ chức các cuộc họp bất thường cùng Ban Tổng giám đốc và các cán bộ chủ chốt của Công ty để đánh giá việc thực hiện các chủ trương của HĐQT và kết quả kinh doanh hàng tháng, thảo luận một số chủ trương, quyết sách điều hành, kế hoạch kinh doanh cũng như hỗ trợ giải quyết các vấn đề khó khăn vướng mắc của Ban Tổng giám đốc.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA HĐQT NĂM 2020:

Năm 2020, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng được dự đoán tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Dịch bệnh Covd-19 đang hoành hành trên khắp thế giới, Các hoạt động sản xuất kinh doanh bị dừng ở hầu hết các lĩnh vực. Tại việt nam vốn đầu tư công cho thi công xây lắp được Chính phủ và các

Bộ ngành kiểm soát chặt chẽ theo kế hoạch. Tuy rằng Chính phủ có chính sách đẩy mạnh đầu tư cho cơ sở hạ tầng giao thông đặc biệt là các dự án đường cao tốc, nhưng sự canh tranh khốc liệt để tìm kiếm việc làm giữa các doanh nghiệp trong ngành cũng như việc đình trệ của các dự án triển khai theo hình thức PPP làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong lĩnh vực này.

Trong bối cảnh đó, Công ty Licogi 166 xác định năm 2020 sẽ tiếp tục gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh của mình. Để kiên trì với định hướng chiến lược phát triển đã đề ra, năm 2020 Hội đồng quản trị sẽ tập trung thực hiện các công việc hoạch định chiến lược và thực hiện nhiệm vụ quản trị đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đó là: Tập trung cho 2 lĩnh vực trọng điểm, gồm thi công xây lắp là nòng cốt và sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng.

Đối với mảng thi công xây lắp:

- Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực thi công xây lắp (Tài chính, Nhân sự, Năng lực thi công cơ giới và tối ưu các quy trình quản trị, điều hành) để ngày càng nâng cao năng lực tham gia các dự án có giá trị lớn.

- Bước đầu triển khai các dự án mới Đê An Dương, đường tại Hà Nội, và các dự án khác, giá trị hợp đồng các dự án này dự kiến khoảng 400 tỷ được triển khai trong giai đoạn 2020-2021.

- Hoàn thành các dự án đang thực hiện dở dang trong năm 2019 như Cống hóa Đồng Bông; Đẩy nhanh việc thu hồi vốn đang tồn đọng tại các dự án Bắc Giang – Lạng Sơn, Thoát nước Long Biên, Hạ Long – Vân Đồn và các dự án đã hết thời gian bảo hành, quyết toán.

Đối với mảng kinh doanh vật liệu xây dựng:

- Tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu, tiêu thụ các loại đá phụ và cung cấp đá cho các dự án tại khu vực.

- Tiếp tục tìm kiếm các khách hàng tiềm năng, có nhu cầu trong việc mua các loại sản phẩm từ đá, bao gồm cả các phụ phẩm, giảm hàng tồn trên các kho bãi.

Cùng với mục tiêu tập trung sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị cũng chú trọng đến việc giám sát, chỉ đạo ban điều hành vận hành hoạt động Công ty như sau:

1. Hội đồng Quản trị tăng cường giám sát nội bộ đối với hoạt động của Công ty, đánh giá nhận định các nguy cơ rủi ro đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để kịp thời có biện pháp hiệu quả nhằm giảm thiểu các thiệt

hại có thể xảy ra. Thường xuyên bám sát tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết sách hiệu quả và kịp thời.

2. Tập trung chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ của Công ty nhằm nâng cao tính hiệu quả, tuân thủ các quy định. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các Quy trình quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo công khai minh bạch và đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

3. Tăng cường chỉ đạo Ban TGĐ tiếp tục phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo hướng: Tinh gọn, hiệu quả và có trình độ chuyên môn cao.

4. Tiếp tục nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp và nâng cao vai trò của thành viên HĐQT độc lập và các tiểu ban trực thuộc HĐQT.

5. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn thông qua việc hoàn thiện công tác kế hoạch tài chính trong sản xuất, xây dựng kế hoạch dòng tiền bám sát và đáp ứng cho từng giai đoạn sản xuất, thực hiện tiết kiệm, minh bạch. Xây dựng cơ chế quản lý, sử dụng vốn hiệu quả trong sản xuất, thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ.

Kính thưa toàn thể đại hội!

Trên đây là báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019, và phương hướng nhiệm vụ trong năm 2020.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc rất mong nhận được những ý kiến đóng góp tích cực của Quý cổ đông, vì sự phát triển của Công ty và lợi ích của các Cổ đông.

Kính chúc Quý vị cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc và thành đạt. Chúc đại hội thành công tốt đẹp!

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi gửi:
- *Như trên;*
- *Lưu HĐQT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHÍ NGỌC ANH

CÔNG TY CP LICOGI 166	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: … /2020/BC-HĐQT	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2019:

Cùng tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, kinh tế Việt Nam chịu tác động đan xen nhiều mặt bởi các diễn biến kinh tế quốc tế ngày càng phức tạp, khó lường. Năm 2019 GDP Việt Nam đạt mốc 7,02% đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011, nhưng với quy mô kinh tế nhỏ, việc ứng phó với các biến động trong tương lai của Việt Nam được dự báo sẽ gặp khó khăn hơn bởi dư địa tài chính, tiền tệ hạn hẹp. Lĩnh vực công nghiệp và xây dựng có mức tăng trưởng 8,9%. Tuy nhiên, ở khía cạnh xây dựng hạ tầng giao thông trong nước còn nhiều việc phải làm. Yêu cầu nguồn vốn xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đồng bộ để đáp ứng nhu cầu vận chuyển cũng như đi lại cho nền kinh tế đang tăng trưởng mạnh và có chiều sâu như Việt Nam là rất lớn. Hiện tại Chính phủ mới chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu vốn, cần sự tham gia góp vốn đầu tư từ khối kinh tế tư nhân vào lĩnh vực giao thông rất nhiều. Các chính sách tích cực, khuyến khích sự tham gia từ lĩnh vực kinh tế tư nhân ngày càng hoàn thiện. Tuy vậy vẫn còn đang vướng mắc một số mặt về thủ tục hành lang pháp lý cũng như phản ánh đánh giá của người dân về tính hiệu quả, hợp lý của các dự án BOT, BT, PPP. Việc này đã tạo sự ngưng trễ tại một số dự án trọng điểm đang và trong kế hoạch triển khai, tác động khó khăn nhất định lên các doanh nghiệp đầu tư cũng như doanh nghiệp thi công lĩnh vực xây dựng giao thông.

Trước những khó khăn chung trong lĩnh vực kinh doanh của mình, cộng với sự ảnh hưởng từ các vấn đề trong năm 2018, năm 2019 là một năm khó khăn đối với LICOGI 166. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo công ty, sự đoàn kết gắn bó của CBCNV công ty, nỗ lực tìm kiếm các dự án mới, quyết tâm gia hạn thời gian khai thác của mỏ đá, công ty đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Cụ thể, trong năm 2019 chúng ta đã ký được 02 hợp đồng mới xây dựng hạ tầng giao thông tại Hà nội sử dụng vốn ngân sách nhà nước, gia hạn giấy phép khai thác Mỏ đá Licogi 166 đến tháng 7/2021. Đó là nguồn động viên tinh thần để CBCNV Công ty yên tâm sản xuất năm 2020 và các năm tiếp theo.

Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 đạt được cụ thể như sau:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2019

Kết quả Sản xuất kinh doanh Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ th/kh (%)
1	Sản lượng	317,004	269,133	304,071	113%
2	Doanh thu	299,164	208,044	280,010	135%
3	Lợi nhuận trước thuế	1,112	0,500	1,211	242%
4	Đầu tư mới	6,220	2,000	0	0%

Đơn vị: Tỷ đồng

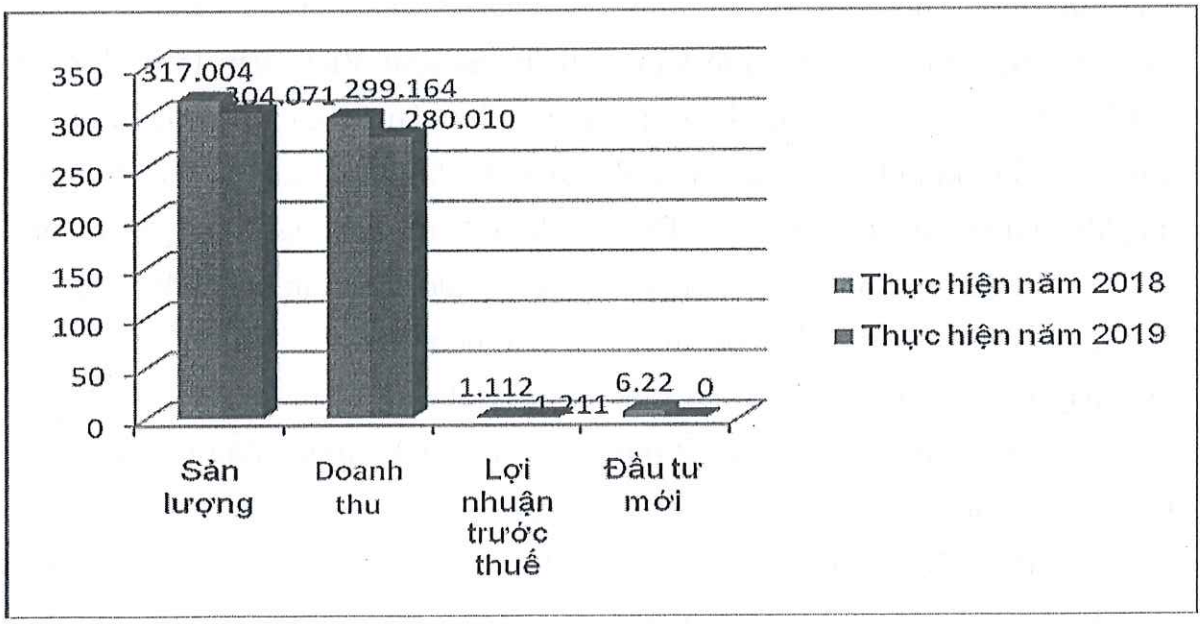

Đơn vị: Tỷ đồng

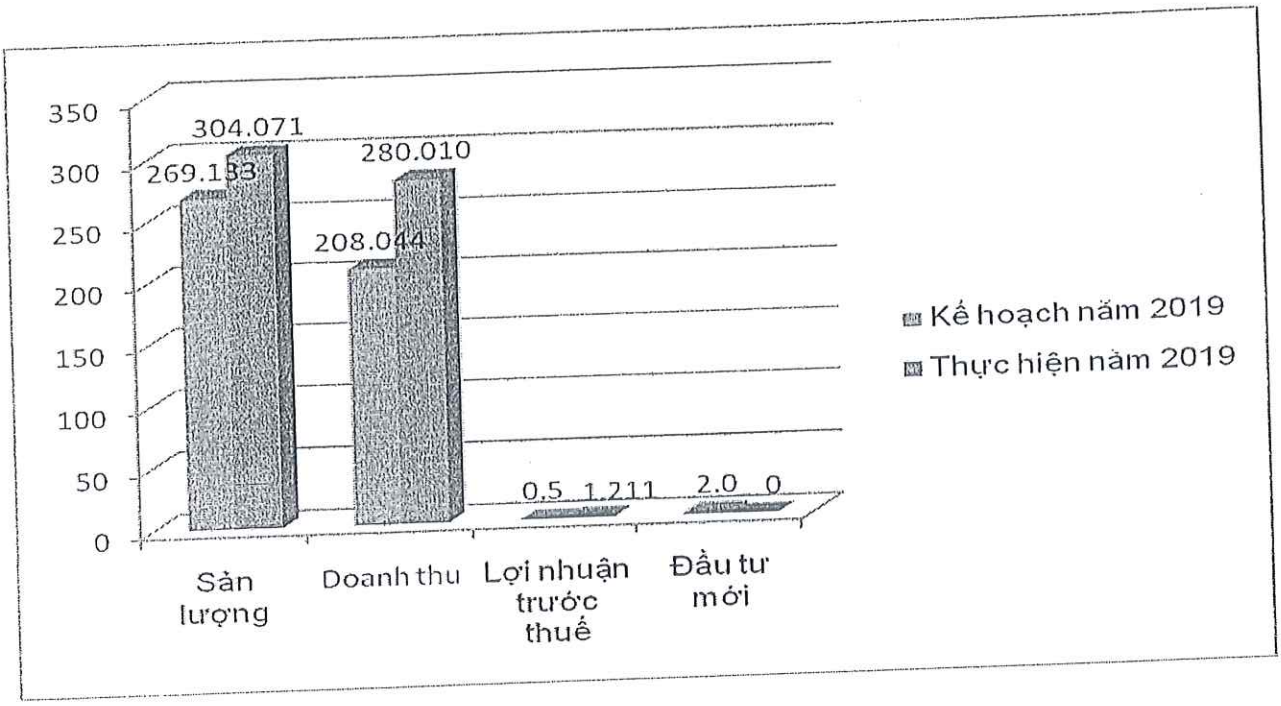

Cơ cấu doanh thu:

Stt	Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ th/kh (%)	Tỷ trọng (%)
1	Hoạt động xây lắp	163,09	140,824	86%	50%
2	Hoạt động kinh doanh vật tư khác & cho thuê tài sản	2	77,035	3852%	28%
3	Hoạt động sản xuất & kinh doanh đá	42,955	62,151	145%	22%

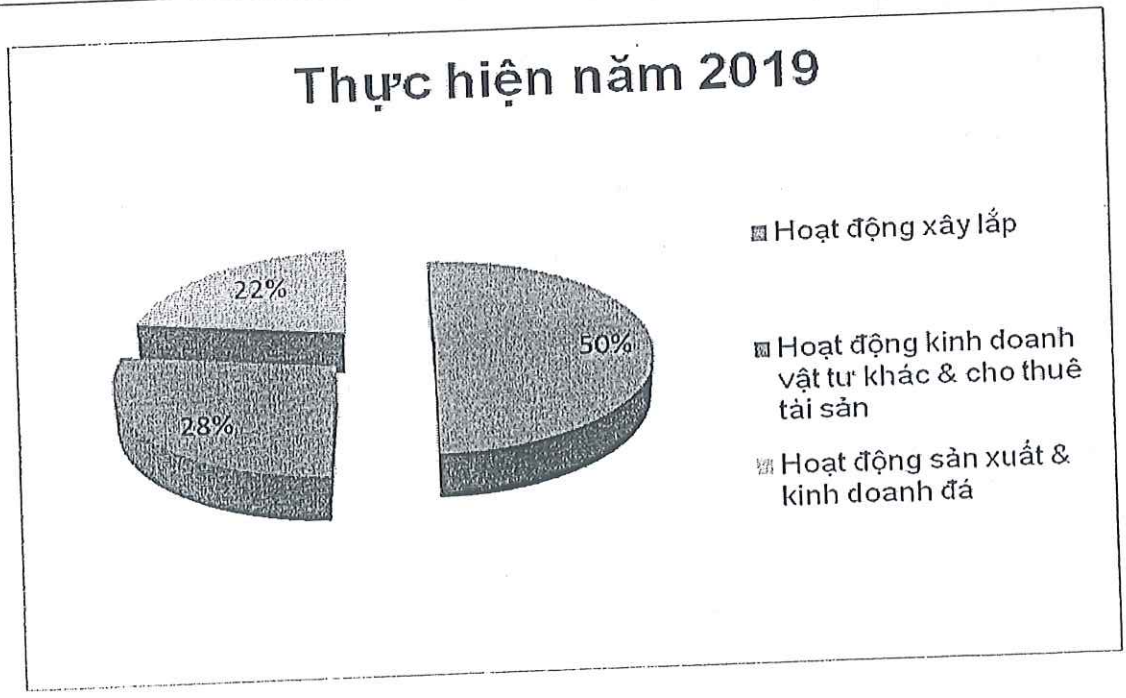

Đơn vị: Tỷ đồng

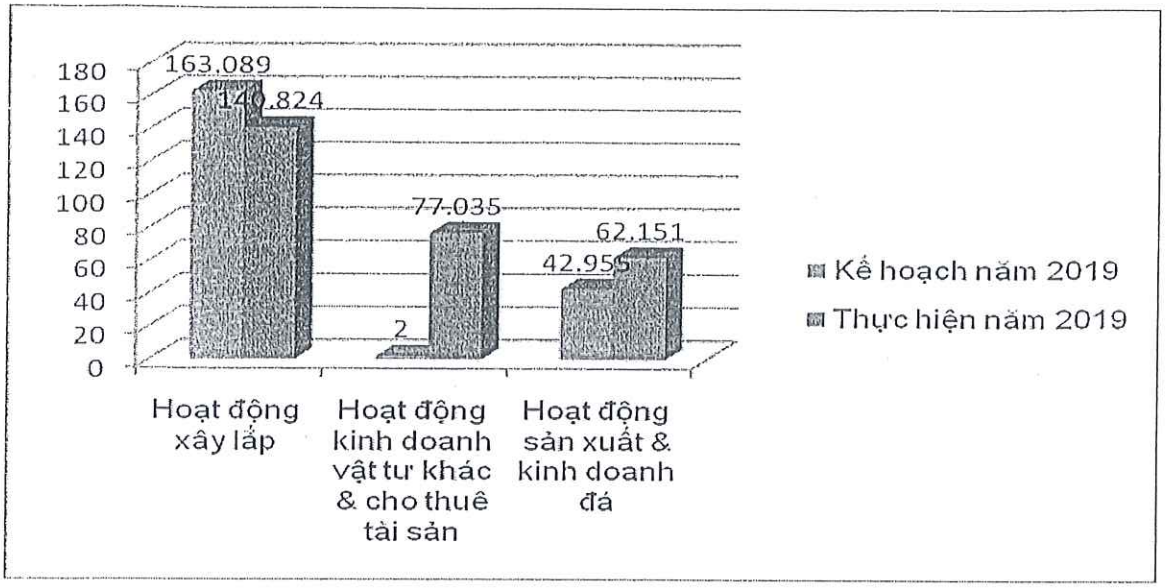

Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện sản lượng 304,071tỷ đồng, đạt tỷ lệ 113% so với kế hoạch đặt ra (269,133 tỷ).

Doanh thu năm 2019 đạt 280,010 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 135% kế hoạch đặt ra (208,044 tỷ).

Lợi nhuận trước thuế 1,211 tỷ đồng, đạt 242% kế hoạch đặt ra (0,5 tỷ). Nếu so với doanh thu, lợi nhuận chỉ đạt 0,4% trên doanh thu đạt được năm 2019.

Công tác đầu tư tài sản mới 0 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 0% so với kế hoạch đặt ra (2,0 tỷ).

- Xét về cơ cấu doanh thu trong năm 2019, tổng doanh thu đạt 135% theo kế hoạch đặt ra, trong đó:

Hoạt động xây lắp: Doanh thu là 140,824 tỷ đồng, đạt 86% so với kế hoạch (163,089 tỷ), chiếm tỷ trọng 50% trong cơ cấu doanh thu.

Hoạt động kinh doanh vật tư khác & cho thuê tài sản: Doanh thu 77,035 tỷ đồng, đạt 3852% so với kế hoạch (2 tỷ), chiếm tỷ trọng 28% trong cơ cấu doanh thu.

Hoạt động trong sản xuất và kinh doanh đá: Doanh thu 62,151 tỷ đồng, đạt 145% so với kế hoạch đặt ra (42,955 tỷ), chiếm tỷ trọng 22% trong cơ cấu doanh thu.

Qua đó ta thấy đối với công ty Licogi 166, hoạt động xây lắp chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Tuy kết quả chưa đạt được kỳ vọng như kế hoạch đề ra nhưng để có kết quả đó, tất cả CBCNV Công ty dưới sự điều hành, lãnh đạo của Ban giám đốc đã nỗ lực hết mình, thực hiện đúng theo chỉ đạo và kế hoạch đề ra của HĐQT, BGĐ. Từng bước thực hiện các nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Công tác thị trường:

Trong bối cảnh ngành hạ tầng giao thông trong nước đang cạnh tranh khốc liệt, các dự án BOT bị dừng lại do chưa thu xếp được nguồn vốn để có được Hợp đồng thi công dự án mới là không hề dễ dàng.

Với sự nỗ lực, quyết tâm tìm kiếm việc làm của Ban lãnh đạo Công ty, tháng 7/2019 Công ty đã ký kết hợp đồng Dự án Cống hóa Đồng Bông với giá trị 61,74 tỷ đồng; tháng 12/2019 ký được hợp đồng Dự án Đê An Dương với giá trị 105 tỷ đồng. Ngoài ra công ty còn đang theo đuổi các dự án tiềm năng khác, tổng giá trị hợp đồng dự kiến ký được trong năm 2020 đạt khoảng 400 tỷ đồng, đem lại công việc làm và nguồn thu ổn định cho năm 2020 và năm tiếp theo.

2. Công tác xây dựng tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực:

Năm 2019 là năm mà nguồn nhân lực của Công ty có nhiều biến động, thay đổi. Trên cơ sở lực lượng nhân sự có trình độ chuyên môn và nhiều năm kinh nghiệm hiện có, Công ty từng bước xây dựng bộ máy theo chiều hướng tinh, gọn, nhẹ. Giảm thiểu chi phí mà vẫn đủ năng lực đảm đương được công việc trong giai đoạn hiện tại.

3. Công tác tài chính:

HĐQT đã chỉ đạo Ban TGĐ luôn chủ động trong việc chuẩn bị thu xếp nguồn tài chính, bằng việc:

- Xây dựng kế hoạch dòng tiền và chỉ đạo quyết liệt đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án, song song với đó là tổ chức bộ máy làm hồ sơ nghiệm thu, làm đến đâu thanh toán ngay đến đó.

- Từng bước giải quyết các khoản vay tới hạn tại ngân hàng, giảm thiểu khó khăn và áp lực về tài chính đối với các khoản vay ngắn hạn và trung hạn. Trong năm đã giảm dư nợ ngân hàng từ 121 tỉ đồng xuống 100 tỉ đồng.

- Từng bước thương thảo với các nhà cung cấp, thầu phụ về tiến trình giải ngân các khoản nợ đến hạn, giảm thiểu sức ép tài chính phải trả trong thời gian Công ty đang gặp khó khăn.

4. Hoàn thiện quy trình, ứng dụng các giải pháp công nghệ vào hoạt động quản lý:

Việc ứng dụng, sử dụng các phần mềm kế toán mới, phần mềm văn phòng điện tử Moffice, phần mềm lưu trữ hồ sơ trực tuyến DocPro cơ bản được toàn thể CBCNV sử dụng thuần thục. Việc xử lý thông tin qua các cấp, các bộ phận được đẩy nhanh, tiết kiệm thời gian, nâng cao chất lượng điều hành quản lý doanh nghiệp.

5. Chính sách với người lao động:

Năm 2019 là năm Công ty gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh, các chế độ chính sách đối với CBCNV nửa đầu năm 2019 chưa được thỏa đáng. Nhưng nửa cuối năm 2019 Công ty đã ký kết được hợp đồng và triển khai thi công Dự án Cống hóa Đồng Bông nên chính sách đối với người lao động từng bước được cải thiện, thu nhập của người lao động được chi trả đều đặn hàng tháng, các chế độ như lễ tết, thăm hỏi ốm đau, bệnh tật được duy trì. Đặc biệt HĐQT, BGĐ đã giải quyết cho CBNCV lương tháng 13 trong dịp tết Nguyên đán, chi trả một phần lương của năm 2018 đây là một nỗ lực rất lớn của HĐQT, BGĐ đối với việc quan tâm, chăm lo cho người lao động trong Công ty, những CBCNV đã chia sẻ cùng Công ty trong thời gian khó khăn nhất.

II. KHÓ KHĂN, THUẬN LỢI CỦA HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019.

1. Đánh giá chung:

Nhìn vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019, Doanh thu ghi nhận đạt 280,010 tỷ đồng (đạt 135% so với kế hoạch), đây là thành quả của sự cố gắng, nỗ lực của tất cả CBCNV trong năm vừa qua, tuy vậy hoạt động xây lắp được đánh giá là chưa hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra bởi các nguyên nhân:

- Các dự án lớn đã triển khai thi công nhưng công tác hoàn thiện và thanh toán thu hồi công nợ chậm như Bắc Giang - Lạng Sơn, Hạ Long – Vân Đồn, Thoát nước Long Biên do biến động nhân sự, thiếu thủ tục pháp lý, vướng mắc trong khâu lập và ký các hồ sơ thanh toán.

- Các dự án kế hoạch triển khai thi công trong năm 2019 như Hữu Nghị - Chi Lăng, Vân Đồn - Móng Cái bị đình trệ do gặp phải một số vướng mắc về thủ tục và thu xếp nguồn vốn của Chủ đầu tư, đã gây ảnh hưởng tới doanh thu của Công ty trong năm 2019.

- Mỏ đá của công ty tại Kỳ Anh, Hà tĩnh mặc dù đã được cấp phép khai thác từ tháng 4/2019 nhưng chưa xuất khẩu được do sự thay đổi chính sách thuế nhập khẩu tại thị trường truyền thống Bangladesh, bán trong nước đạt thấp, sản xuất kinh doanh của mỏ không đạt được kế hoạch đề ra.

2. Thuận lợi:

- Tháng 7/2019 Công ty đã ký kết được hợp đồng Dự án Cống hóa Đồng Bông và triển khai thi công đúng tiến độ so với yêu cầu của Chủ đầu tư và tháng 12/2019 Công ty tiếp tục ký kết hợp đồng Dự án Đê An Dương với giá trị 105 tỷ đồng.

- Công tác tìm kiếm dự án mới trong năm 2019 và các năm tiếp theo được đẩy mạnh dựa trên mối quan hệ của Ban lãnh đạo Công ty.

- Các công trường thi công luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời từ Ban lãnh đạo Công ty.

- Có số lượng lớn xe máy thiết bị và đã được đầu tư từ trước đáp ứng đủ năng lực để triển khai các dự án.

- Năng lực quản lý điều hành dự án ngày càng được hoàn thiện, cùng với sự quyết liệt, sát sao từ Ban lãnh đạo công ty đến BĐH các công trường.

- Lực lượng nhân sự trẻ, nhiệt huyết với công ty và có trình độ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu của công việc.

3. Khó khăn vướng mắc:

- Các gói thầu đã được ký kết như dự án Hữu Nghị - Chi Lăng, Dự án Vân Đồn - Móng Cái đình trệ do vướng mắc về tín dụng của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng không nhỏ đến dòng tiền sản xuất kinh doanh cũng như doanh thu của công ty trong năm 2019.

- Về tài chính khó khăn, thiếu vốn phục vụ cho SXKD, nguyên nhân chủ yếu là do nguồn lực tài chính của Công ty còn hạn chế, công tác nghiệm thu thanh toán với Chủ đầu tư tại các dự án còn chậm dẫn việc khó khăn trong việc cân đối dòng tiền phục vụ cho các dự án.

- Các khoản vay ngắn hạn và trung hạn với các tổ chức tín dụng đồng loạt đến kỳ phải trả, hạn mức tín dụng kịch trần, nợ nhà cung cấp lũy kế từ năm trước lớn, cộng với việc chưa nghiệm thu thanh toán được với Chủ đầu tư dẫn đến tại thời điểm đầu Quý III/2019 công ty không đủ tài chính để trả các khoản vay đến hạn của ngân hàng, gây nên sức ép lớn lên tài chính toàn Công ty, làm ảnh hưởng đến dòng tiền phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh.

- Mỏ đá Licogi 166 bốn tháng đầu năm 2019 giấy phép khai thác mỏ hết hạn nên công tác sản xuất và xuất khẩu đá bị ngừng từ đó mất đi những khách hàng lớn, thân thiết. Cuối tháng 4/2019 giấy phép khai thác được gia hạn, Ban lãnh đạo Công ty đã nỗ lực trong việc tìm kiếm khách hàng mới nên công tác xuất khẩu đá gặp khó khăn, máy móc thiết bị thường xuyên hỏng hóc, công tác sản xuất tại mỏ chưa phát huy được hết năng lực của thiết bị nghiền sàng, các sản phẩm phụ bị bế tắc trong khâu tiêu thụ ra nên hiệu quả sản xuất kinh doanh không cao, chưa đạt kế hoạch đề ra. Doanh thu cũng như dòng tiền cho sản xuất năm 2019 bị giảm sút.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020.

Kính thưa Quý cổ đông!

Năm 2020 tiếp tục là một năm khó khăn đối với Công ty trong việc cạnh tranh để tìm kiếm dự án mới, tìm kiếm đầu ra cho mỏ đá, cộng với dịch bệnh Covid-19

đang xảy ra trên toàn cầu sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cho tới hôm nay, với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo, toàn thể CBCNV, Công ty đã gia hạn khai thác tại mỏ đá Licogi 166, đã ký được Hợp đồng và triển khai thi công Dự án Đê An Dương, các dự án đang theo đuổi kỳ vọng sẽ được triển khai theo đúng kế hoạch. Đó là nguồn động lực để toàn thể CBCNV gắn bó, đồng hành cùng Ban lãnh đạo vượt qua các khó khăn và yên tâm trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020.

Chính vì vậy, HĐQT đã họp và đề ra mục tiêu năm 2020, như sau:

a. Đối với dự án cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn:

Tập trung hoàn thành công tác lập hồ sơ hoàn công & thanh toán công trình trước tháng 9/2020 với doanh thu khoảng 18,1 tỷ đồng.

b. Dự án thoát nước Long Biên:

- Tiếp tục hoàn tất hồ sơ, thanh toán phần khối lượng đang dở dang cả 2 Gói đạt doanh thu 17,58 tỷ đồng hoàn thành trước tháng 12/2020.

c. Dự án Cống hóa Đồng Bông:

- Tiếp tục tổ chức triển khai thi công và thanh toán công trình với doanh thu đạt 4,52 tỷ đồng hoàn thành trước 30/4/2020.

d. Đối với Dự án Đê An Dương:

- Tổ chức triển khai thi công giá trị thực hiện năm 2020 khoảng 76,47 tỷ đồng. Đẩy mạnh công tác nghiệm thu thanh toán trong năm 2020 khoảng 69,52 tỷ đồng.

e. Các dự án tìm kiếm mới trong năm 2020:

- Dự án đường tại Hà Nội (khoảng 100 tỷ, dự kiến thực hiện trong năm 2020 khoảng 46,7 tỷ); Dự án khác (khoảng 200 tỷ, dự kiến thực hiện trong năm 2020 khoảng 33,3 tỷ);

f. Đối với Mỏ đá Licogi 166:

- Liên hệ với các đối tác mỏ đá trong khu vực tiếp tục xay nghiền thuê nhằm đáp ứng đủ chi phí vận hành công ty trong thời gian khó khăn hiện tại.
- Tiến hành sản xuất và xuất khẩu trở lại từ Quý III/2020.
- Tổ chức sản xuất 3 ca/ngày, củng cố lại máy móc thiết bị, nâng cao năng lực khai thác và sản xuất để đạt mục tiêu duy trì xuất khẩu đá sang thị trường nước ngoài với sản lượng Quý III đạt 90.000 tấn/2 tàu, Quý IV đạt 45.000 tấn/1 tàu.
- Tiếp tục nghiên cứu mở rộng để đa dạng hóa thị trường xuất khẩu ngoài Bangladesh.

g. Các nhiệm vụ khác:

- Đẩy mạnh công tác thu hồi vốn cho các dự án đã thực hiện quyết toán và hết thời gian bảo hành công trình.
- Tuyển dụng, đào tạo nhân lực: Tiếp tục tuyển dụng nhân sự phù hợp có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm, đảm đương được các vị trí thích hợp khi các dự án

bắt đầu triển khai. Đồng thời tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu, bổ sung thêm kỹ năng, năng lực các cán bộ hiện tại trong Công ty, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu khi việc sản xuất kinh doanh Công ty được mở rộng. Có hoạch định đúng đắn cho việc phát triển nguồn nhân lực, đánh giá khả năng, thế mạnh của mỗi cá nhân để sắp xếp vị trí phù hợp nhất.

Cụ thể hóa các mục tiêu trên, Ban TGĐ báo cáo HĐQT, đệ trình ĐHĐCĐ thường niên bảng chỉ tiêu kế hoạch như sau:

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020:

Đơn vị: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Tỷ lệ Kh 2020/Th 2019
1	Sản lượng	304,071	200,614	66%
2	Doanh thu	280,010	200,907	72%
3	Lợi nhuận trước thuế	1,211	1,00	83%
4	Đầu tư mới	0	0	0%
5	Vốn điều lệ	76,000	76,000	
6	Tỷ lệ cổ tức	0	0	

Đơn vị: Tỷ đồng

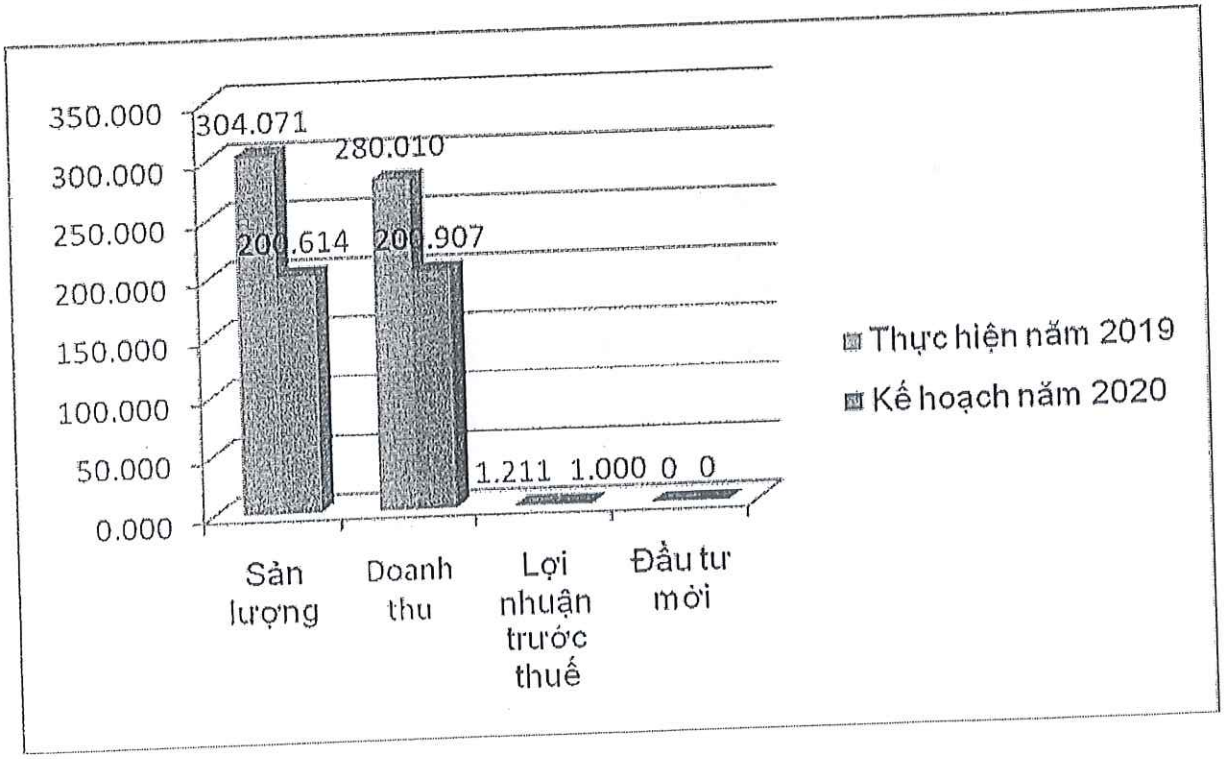

Kế hoạch cơ cấu doanh thu năm 2020

Stt	Nội dung	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Tỷ lệ kh 2020/Th 2019 (%)	KH Tỷ trọng 2020 (%)
1	Hoạt động xây lắp	140,824	164,841	117%	82%
2	Hoạt động kinh doanh vật tư khác & cho thuê tài sản	77,035	2,727	4%	1%
3	Hoạt động sản xuất & kinh doan đá	62,151	33,339	54%	17%

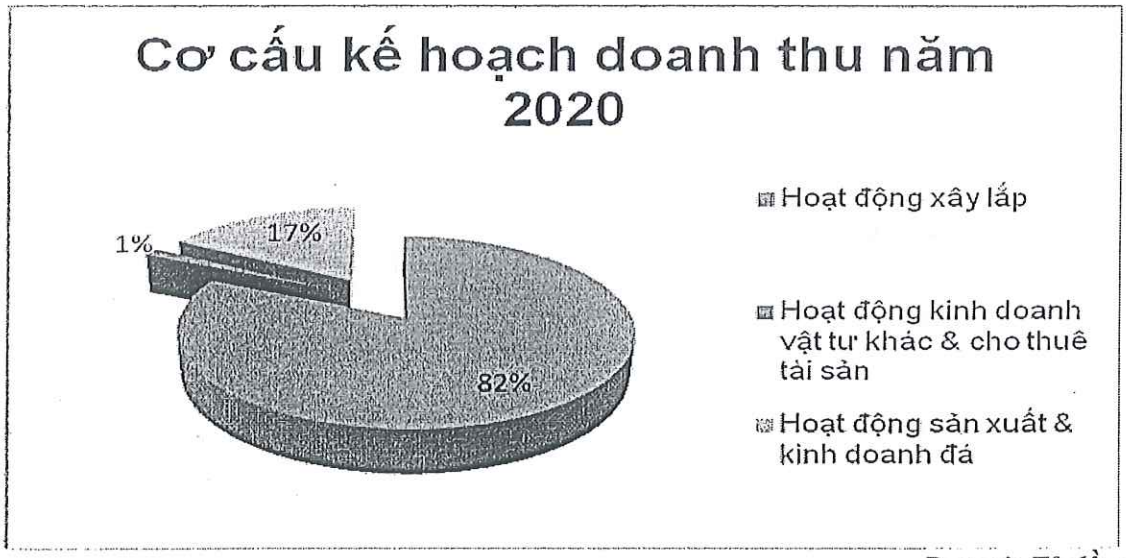

Đơn vị: Tỷ đồng

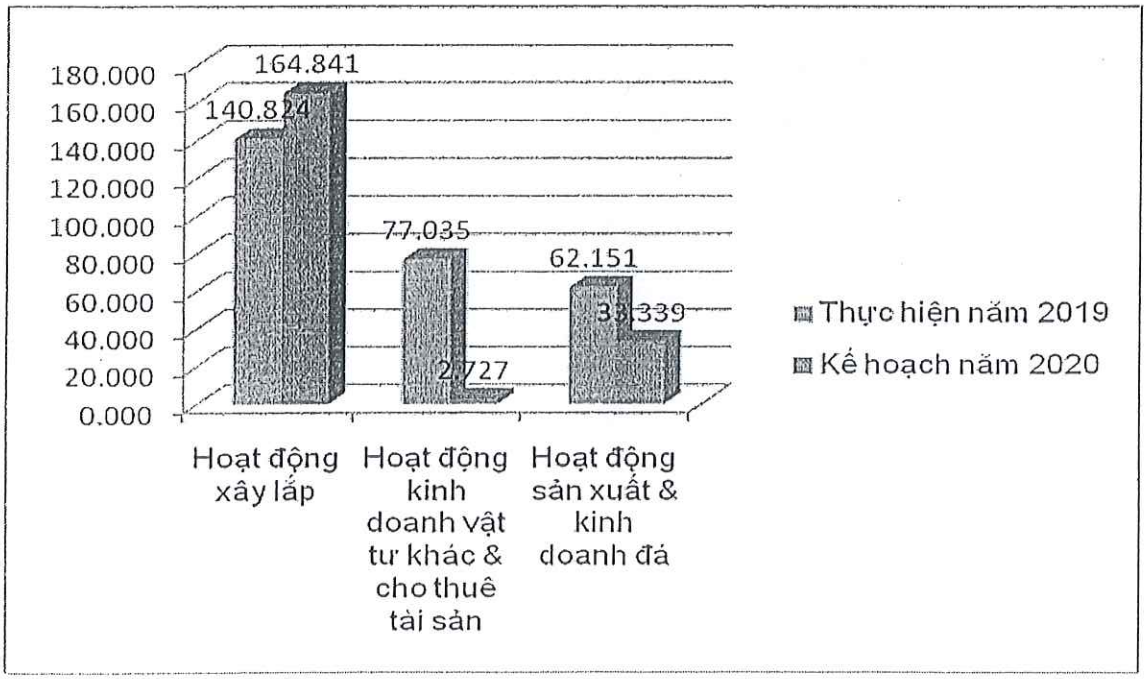

IV. KẾT LUẬN:

Năm 2019 vừa qua, Công ty đã từng bước vượt qua thời kỳ khó khăn nhất trong, tuy kết quả kinh doanh chưa đạt được hiệu quả mong muốn nhưng đó là kết quả của sự cố gắng không ngừng nghỉ của toàn thể CBCNV trong Công ty sau một năm làm việc. HĐQT, BGĐ luôn bám sát hoạt động của Công ty, đề ra các quyết sách kịp thời để khắc phục các khó khăn Công ty phải đối mặt trong năm qua. Hiện nay các chỉ đạo, chính sách của HĐQT, BGĐ đang từng bước khắc phục dần những khó khăn mà Công ty đang gặp phải và đã có dấu hiệu hồi phục. Đây là tiền đề để Công ty triển khai thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và các năm tới. Để làm được điều này, toàn thể CBCNV Công ty sẽ phải thật sự nỗ lực, tập trung trí lực, thống nhất hành động, không ngừng phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực sẵn có để đạt được kết quả tốt hơn nữa, vượt mức kế hoạch đề ra.

Trên đây là toàn bộ Báo cáo kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh năm 2019, định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020. Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thảo luận và thông qua.

Thay mặt Ban giám đốc, Tôi xin trân trọng cảm ơn và kính chúc Quý vị đại biểu, Quý cổ đông của Công ty mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng kính chào!

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166

Vũ Công Hưng

CÔNG TY CP LICOGI 166	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 03 /2020/BC-TBKTĐL	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Kính thưa quý vị Cổ đông!

Thưa toàn thể Đại hội!

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được phân công trong HĐQT, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ đã thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm nhằm tham mưu cho Hội đồng quản trị để thực hiện nghiệp vụ kiểm toán nội bộ đối với hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

1. Thành phần Tiểu ban kiểm toán nội bộ:

- Bà Bùi Thị Nhân Huệ - Thành viên HĐQT: Trưởng tiểu ban
- Ông Nguyễn Anh Tú – Thành viên HĐQT: Thành viên

2. Kết quả hoạt động năm 2019 của Tiểu ban:

Trong năm 2019 Tiểu ban kiểm toán nội bộ đã tiến hành hoạt động kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 trong việc quản lý điều hành của Công ty cụ thể:

Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của Công ty năm 2019.

Xem xét tính phù hợp của các quyết định HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý.

Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các quy định của Công ty phù hợp với các quy định pháp luật và điều lệ Công ty.

Tiểu ban kiểm toán nội bộ đã tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, rà soát kiểm tra, đánh giá tính hiệu quả các mặt hoạt động của công ty để có các kiến nghị, quyết định trong phạm vi thẩm quyền mình.

3. Đánh giá kết quả báo cáo tài chính của Công ty năm 2019.

- Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam. Ban kiểm toán nhận thấy

phương pháp thực hiện kiểm toán, các chuẩn mực kế toán áp dụng và các chế độ chính sách tài chính áp dụng thể hiện trong báo cáo tài chính kế toán năm 2019 là phù hợp. Ban kiểm toán độc lập nhất trí với các số liệu cũng như nhận xét của kiểm toán viên đưa ra trong báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính quý, 6 tháng:

+ Báo cáo tài chính đáp ứng được các nội dung theo quy định.

+ Thời gian lập báo cáo tài chính trong năm đúng quy định, kịp thời phục vụ yêu cầu quản trị của Công ty và thông tin đến các Cổ Đông.

- Kết quả giám sát các hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

+ Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ tương đối đầy đủ các quy định của pháp luật trong công tác quản lý điều hành.

+ Các Biên bản và Nghị quyết HĐQT có đầy đủ ý kiến, chữ ký của các thành viên dự họp theo quy định.

+ Năm 2019, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp, ban hành các Nghị quyết, quyết định, tuân thủ điều lệ hoạt động của Công ty và quy định của Pháp luật.

+ Năm 2019 Ban kiểm toán nội bộ không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của Cổ đông về sai phạm của HĐQT trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

+ Mặc dù công ty gặp nhiều khó khăn, nhưng Ban Tổng giám đốc đã tích cực triển khai các nhiệm vụ, công việc được giao nêu trong Nghị quyết của Đại hội cổ đông và của HĐQT năm 2019.

+ Tổng Giám đốc đã rất cố gắng điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, ban hành các quyết định phục vụ quản lý điều hành trong điều kiện thị trường ngành khó khăn.

+ Ngoại trừ các cán bộ đã nghỉ việc, các cán bộ quản lý khác của Công ty đã thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, công việc được giao, chịu sự chỉ đạo điều hành trực tiếp từ HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty.

Kính thưa toàn thể đại hội!

Trên đây là báo cáo các nét chính về hoạt động của Tiểu ban kiểm toán nội bộ trong năm 2019.

Kính chúc Quý vị cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc và thành đạt. Chúc đại hội thành công tốt đẹp!

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi gửi:
- *Như trên;*
- *Lưu TBKTĐL.*

TB. KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Bùi Thị Nhân Huệ

CÔNG TY CP LICOGI 166
Số: 04/2020/TTr-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2019, Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2020 và Báo cáo hoạt động năm 2019 của HĐQT, Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2020

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP LICOGI 166

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán; Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Licogi 166 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/04/2017;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Licogi 166 kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 xem xét và thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2019, Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2020 và Báo cáo hoạt động năm 2019, kế hoạch hoạt động năm 2020 của HĐQT.

Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2019, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2020.
- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi gửi:
- *Như trên;*
- *Lưu HĐQT*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166

PHÍ NGỌC ANH

CÔNG TY CP LICOGI 166	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 05 /2020/TTr-HĐQT	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua báo cáo hoạt động của Tiểu ban kiểm toán nội bộ

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP LICOGI 166

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán; Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Licogi 166 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/04/2017;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Licogi 166 kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 xem xét và thông qua Báo cáo hoạt động của Tiểu ban kiểm toán nội bộ.

Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo hoạt động của Tiểu ban kiểm toán nội bộ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi gửi:
- *Như trên;*
- *Lưu HĐQT*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166

PHÍ NGỌC ANH

CÔNG TY CP LICOGI 166
Số: 06 /2020/TTr-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP LICOGI 166

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán; Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Licogi 166 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/04/2017;

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty. Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt báo cáo tài chính đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) kiểm toán.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0102264629 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166
THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

CHỦ TỊCH HĐQT
Phí Ngọc Anh

Nơi gửi:
- *Như trên;*
- *Lưu HĐQT*

CÔNG TY CP LICOGI 166
Số: 07/2020/TTr-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Chia cổ tức, trích lập các quỹ năm 2019 và Kế hoạch cổ tức năm 2020

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP LICOGI 166

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Licogi 166 được ĐHĐCĐ thông qua ngày 17/4/2017;

- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

Năm 2019 là năm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn còn nhiều khó khăn, lợi nhuận đạt 1,211 tỷ VNĐ (đạt 242% lợi nhuận kế hoạch). Thực hiện theo kế hoạch 2019, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua không trích lập các quỹ và không chia cổ tức cho năm tài chính 2019.

Về kế hoạch cổ tức năm 2020: Theo kế hoạch năm 2020, Công ty đã có bước chuyển biến tích cực, nhưng lợi nhuận đặt ra tương đối thấp 1,0 tỷ VNĐ. Do vậy, Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định năm 2020 Công ty sẽ không chi trả cổ tức.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn !

Nơi gửi:
- *Như kính gửi;*
- *Lưu HĐQT*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166

PHÍ NGỌC ANH

CÔNG TY CP LICOGI 166
Số: 08 /2020/TTr-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2020

TỜ TRÌNH
Báo cáo quyết toán thù lao năm 2019 và kế hoạch thù lao năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty CP Licogi 166

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP LICOGI 166

Căn cứ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, Công ty đã tiến hành chi trả thu lao đối với thành viên HĐQT như sau:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số tiền	Ghi chú
1	Phí Ngọc Anh	Chủ tịch HĐQT	60.000.000 VNĐ	
2	Vũ Công Hưng	Thành viên HĐQT	36.000.000 VNĐ	
3	Nguyễn Anh Tú	Thành viên HĐQT	36.000.000 VNĐ	
4	Bùi Thị Nhân Huệ	Thành viên HĐQT độc lập	36.000.000 VNĐ	
5	Lê Đình Đáp	Thành viên HĐQT	36.000.000 VNĐ	
	Tổng		**204.000.000 VNĐ**	

Căn cứ kế hoạch sản xuất sản xuất kinh doanh năm 2020, đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch thù lao của Hội đồng quản trị năm 2020, mức chi bằng với năm 2019, cụ thể như sau:

- Mức 5 triệu VNĐ/tháng đối với Chủ tịch HĐQT; 3 triệu VNĐ/tháng đối với thành viên HĐQT.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn !

Nơi gửi:
- *Như trên;*
- *Lưu HĐQT*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166 - Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

PHÍ NGỌC ANH

CÔNG TY CP LICOGI 166
Số: 09 /2020/TTr-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP LICOGI 166

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán; Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Licogi 166 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/04/2017;

Để đảm bảo công khai minh bạch trong hoạt động quản trị và điều hành Công ty và quyền, lợi ích hợp pháp cho các cổ đông. Hội đồng quản trị Công ty CP Licogi 166 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020, như sau:

1. Lựa chọn một công ty kiểm toán có năng lực có tên trong Danh sách Công ty kiểm toán được thực hiện kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán năm 2020 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2020.

2. Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp, quyết định thời điểm thực hiện kiểm toán để đảm bảo hoạt động của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi gửi:
- *Như trên;*
- *Lưu HĐQT*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHÍ NGỌC ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10-33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 166 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 166 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0102264629, do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18/05/2007, thay đổi lần 13 ngày 22/03/2019.
Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Họ và tên		Chức vụ
Ông:	Phí Ngọc Anh	Chủ tịch
Ông:	Nguyễn Anh Tú	Thành viên
Ông:	Vũ Công Hưng	Thành viên
Ông:	Lê Đình Đáp	Thành viên
Bà:	Bùi Thị Nhân Huệ	Thành viên HĐQT độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Họ và tên		Chức vụ
Ông:	Vũ Công Hưng	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Licogi 166 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 16/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020
TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

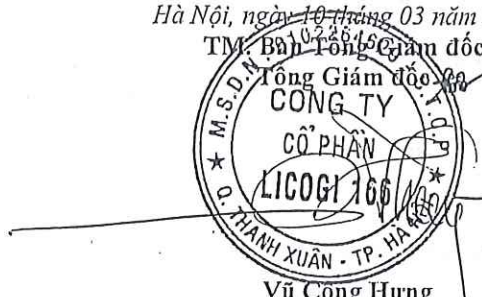

Vũ Công Hưng

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 338 /BCKT/TC/NV7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Licogi 166

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Licogi 166 được lập ngày 10/03/2020 bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 06 đến trang 33 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Thành viên Hãng kiểm toán MGI Quốc tế
mgiworldwide

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Licogi 166 tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

M.S.D.N: 0102061074 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
Q. NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

TRẦN TRÍ DŨNG	**ĐỖ THỊ DUYÊN**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy CNĐKHNKT số: 0895-2018-126-1	*Giấy CNĐKHNKT số: 3642-2016-126-1*

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**248.175.313.871**	**231.338.721.046**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.01	**3.461.219.065**	**7.825.968.657**
1. Tiền	111		3.461.219.065	2.570.968.657
2. Các khoản tương đương tiền	112			5.255.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**371.000.000**	**2.200.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	371.000.000	2.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**96.948.891.464**	**122.519.571.354**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	32.735.412.415	56.786.815.704
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	54.687.241.266	42.487.094.447
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	9.996.915.996	23.716.339.416
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(470.678.213)	(470.678.213)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**146.678.208.429**	**95.889.175.321**
1. Hàng tồn kho	141	V.07	146.678.208.429	95.889.175.321
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**715.994.913**	**2.904.005.714**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	205.553.059	2.904.005.714
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		510.441.854	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**59.630.437.049**	**79.546.139.207**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	
1. Phải thu dài hạn khác	216			
II. Tài sản cố định	**220**		**41.653.687.436**	**61.274.916.924**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	41.653.687.436	45.472.114.905
- Nguyên giá	*222*		*109.273.734.536*	*101.746.791.396*
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	*223*		*(67.620.047.100)*	*(56.274.676.491)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10		15.802.802.019
- Nguyên giá	*225*			*19.197.444.548*
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	*226*		-	*(3.394.642.529)*
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**			
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	V.11	**17.843.891.029**	**17.805.648.389**
1. Đầu tư vào công ty con	251		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(2.156.108.971)	(2.194.351.611)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**132.858.584**	**465.573.894**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	132.858.584	465.573.894
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**307.805.750.920**	**310.884.860.253**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		223.288.282.254	227.578.587.733
I. Nợ ngắn hạn	310		220.873.008.188	212.945.940.108
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	99.753.713.609	73.152.235.186
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	3.881.552.033	46.509.200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	368.201.097	1.301.895.578
4. Phải trả người lao động	314		2.941.162.527	5.490.054.946
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	179.991.526	6.667.775.085
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	16.052.082.592	20.164.464.834
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	97.687.742.144	106.114.442.619
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		8.562.660	8.562.660
II. Nợ dài hạn	330		2.415.274.066	14.632.647.625
1. Phải trả dài hạn khác	337			
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	2.415.274.066	14.632.647.625
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		84.517.468.666	83.306.272.520
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	84.517.468.666	83.306.272.520
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		76.000.000.000	76.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*76.000.000.000*	*76.000.000.000*
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.990.880.189	5.990.880.189
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.526.588.477	1.315.392.331
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		*1.315.392.331*	*203.004.974*
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP kỳ này	421b		*1.211.196.146*	*1.112.387.357*
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		307.805.750.920	310.884.860.253

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Thị Hằng	Hà Thị Huê	Vũ Công Hùng

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	280.010.096.863	299.164.498.292
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	280.010.096.863	299.164.498.292
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	262.105.300.503	280.635.859.547
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.904.796.360	18.528.638.745
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	45.900.795	497.110.519
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	8.017.602.526	8.533.055.274
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*8.055.845.166*	*9.346.321.966*
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	6.636.254.596	10.235.233.175
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		**3.296.840.033**	**257.460.815**
11. Thu nhập khác	31	VI.6		939.144.449
12. Chi phí khác	32	VI.7	2.085.643.887	84.217.907
13. Lợi nhuận khác	40		(2.085.643.887)	854.926.542
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		**1.211.196.146**	**1.112.387.357**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		**1.211.196.146**	**1.112.387.357**

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Thị Hằng	Hà Thị Huê	Vũ Công Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	*1.211.196.146*	*1.112.387.357*
2. Điều chỉnh cho các khoản		*20.218.174.472*	*18.685.192.758*
- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	02	10.160.828.854	11.588.392.452
- Các khoản dự phòng		(38.242.640)	(813.266.692)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	2.039.743.092	(1.436.254.968)
- Chi phí lãi vay	06	8.055.845.166	9.346.321.966
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	*21.429.370.618*	*19.797.580.115*
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	24.917.238.036	7.325.931.045
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(50.789.033.108)	(4.737.745.911)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	16.173.777.029	(22.166.225.513)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.031.167.965	(2.620.780.887)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(7.875.853.640)	(9.506.508.327)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(73.511.380)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	*6.886.666.900*	*(11.981.260.858)*
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(261.606.891)	(7.413.565.834)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	7.779.363.638	814.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.357.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.186.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	45.900.795	497.110.519
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*	*9.392.657.542*	*(6.102.182.588)*
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	174.595.685.412	195.680.582.338
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(187.251.435.263)	(171.297.154.240)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(7.988.324.183)	(4.249.638.018)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	*(20.644.074.034)*	*20.133.790.080*
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	**(4.364.749.592)**	**2.050.346.634**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	**7.825.968.657**	**5.775.622.023**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	**3.461.219.065**	**7.825.968.657**

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Thị Hằng	Hà Thị Huê	Vũ Công Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Licogi 166 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0102264629, do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18/05/2007, thay đổi lần 13 ngày 22/03/2019.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 76.000.000.000 đồng *(Bảy mươi sáu tỷ đồng chẵn)*.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

- ✓ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- ✓ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác chỉ kinh doanh các ngành nghề sau: Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí, thiết bị phòng cháy chữa cháy, lắp đặt hệ thống chống sét;
- ✓ Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chỉ kinh doanh các ngành nghề sau: Thiết bị phòng cháy chữa cháy;
- ✓ Hoạt động thiết kế chuyên dụng chỉ kinh doanh các ngành nghề sau: Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy các công trình xây dựng (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

  Chi tiết: - Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị và kinh doanh bất động sản;
- ✓ Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu

  Chi tiết: Khí công nghiệp, khí nén;
- ✓ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

  Chi tiết: Kinh doanh điện;
- ✓ Khai thác, xử lý và cung cấp nước

  Chi tiết: Kinh doanh nước;
- ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- ✓ Vận tải bằng xe buýt;
- ✓ Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)

  Chi tiết: Vận tải khách bằng taxi;

- ✓ Vận tải hành khách đường bộ khác

  Chi tiết: Vận tải khách du lịch, Vận tải khách theo hợp đồng, Vận tải khách theo tuyến cố định;
- ✓ Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác

  Chi tiết: - Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;
- ✓ Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác

  Chi tiết: Kinh doanh ô tô;
- ✓ Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác

  Chi tiết: Kinh doanh phụ tùng ô tô;
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

  Chi tiết: - Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ, Các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, nền móng công trình;
- ✓ Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác

  Chi tiết: Cho thuê thiết bị, cung cấp vật tư kỹ thuật;
- ✓ Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu

  Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- ✓ Sửa chữa máy móc, thiết bị

  Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc thiết bị các sản phẩm cơ khí và kết cấu địa hình khác;
- ✓ Sản xuất máy chuyên dụng khác

  Chi tiết: - Sản xuất kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng;
- ✓ Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại

  Chi tiết: Gia công chế tạo kết cấu thép và các sảm phẩm cơ khí;
- ✓ Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ

  Chi tiết: - Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng;
- ✓ Xây dựng công trình công ích

  Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình điện, thông tin liên lạc; các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường; các công trình phòng cháy, chữa cháy, thiết bị bảo vệ; các công trình thông gió cấp nhiệt, điều hòa không khí;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong kỳ kế toán, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Đến thời điểm 31/12/2019, Văn phòng Công ty đặt tại tầng 4, tòa nhà JSC, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Công ty Con: Tại thời điểm ngày 31/12/2019, Công ty có một (01) Công ty như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV vật liệu xây dựng Licogi 166	Hà Tĩnh	100%	100%	Kinh doanh khai thác đá

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là "đ"; ký hiệu quốc tế là "VND").

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn sửa đổi và thông tư số 53/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam căn cứ vào:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

2. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền

Lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) được xác định như sau:

- Là lãi suất ngân hàng thương mại cho vay đang áp dụng phổ biến trên thị trường tại thời điểm giao dịch;
- Trường hợp không xác định được lãi suất ngân hàng thương mại cho vay nêu trên thì lãi suất thực tế là lãi suất Công ty có thể đi vay dưới hình thức phát hành công cụ nợ không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu (như phát hành trái phiếu thường không có quyền chuyển đổi hoặc vay bằng khế ước thông thường) trong điều kiện sản xuất, kinh doanh đang diễn ra bình thường.

3. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại Công ty được quản lý và hạch toán như tiền của Công ty.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, số dư ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

b. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

c. Đầu tư vào Công ty con; Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm. Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

d. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Hoặc mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khi không xác định được giá trị thị trường.

5. Nguyên tắc kế toán phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý…

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay được phản ánh ở TK 1283; Khoản ký quỹ, ký cược phản ánh ở TK 244, khoản tạm ứng ở TK 141…

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá

công bố của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định vào tuổi nợ của các khoản nợ quá hạn và dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường. Đối với sản phẩm dở dang, nếu thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường thì không trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cấn đối kế toán mà trình bày là tài sản dài hạn.

Các loại sản phẩm, hàng hóa, vật tư, tài sản nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận ủy thác xuất nhập khẩu, nhận gia công... không thuộc quyền sở hữu và kiểm soát của Công ty thì không phản ánh là hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng;

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn

sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d. Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;

- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Hiện tại, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

20. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

a. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

b. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

1 . Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt tại quỹ	1.015.632	6.849.132
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.460.203.433	2.564.119.525
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng)	-	5.255.000.000
Cộng	**3.461.219.065**	**7.825.968.657**

2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng, dưới 12 tháng	371.000.000	371.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000
Cộng	**371.000.000**	**371.000.000**	**2.200.000.000**	**2.200.000.000**

3 . Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
a) Phải thu khách hàng	32.735.412.415	56.786.815.704
- Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	*1.938.716.753*	*2.738.716.753*
- Công ty CP Vinaconex 25 - CN Đà Nẵng	*274.289.092*	*274.289.092*
- Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng	-	*2.962.420.300*
- Công ty CP Ngôi nhà mới	-	*4.067.636.836*
- Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng quận Nam Từ Liêm	*12.152.782.000*	-
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	-	*3.763.609.455*
- Công ty cổ phần đầu tư thương mại xây dựng điện 6	*374.723.500*	*6.851.730.381*
- Công ty cổ phần BOT Biên Cương	*14.208.282.977*	*18.428.374.057*
- Các khách hàng khác	*3.786.618.093*	*17.700.038.830*
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-
Cộng	**32.735.412.415**	**56.786.815.704**

4 . Trả trước người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
a) Trả trước cho người bán	12.197.703.667	9.900.849.882
- Công ty TNHH Sao thổ Hà Tĩnh	*8.181.045.238*	*8.318.629.288*
- Trả trước cho người bán khác	*4.016.658.429*	*1.582.220.594*
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	42.489.537.599	32.586.244.565
- Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Licogi 166	*42.489.537.599*	*32.586.244.565*
Cộng	**54.687.241.266**	**42.487.094.447**

5 . Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác	719.682.223	-	1.446.885.838	-
Tạm ứng	8.076.450.066	-	17.209.798.194	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.196.323.348	-	5.042.592.237	-
Dư nợ phải trả, phải nộp khác	4.460.359	-	17.063.147	-
Cộng	**9.996.915.996**	**-**	**23.716.339.416**	**-**

6 . Nợ xấu

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng	Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	677.359.855	(470.678.213)	677.359.855	(470.678.213)
+ Công ty CP Licogi 13- XD và KT công trình	*74.380.174*	*(52.066.122)*	*74.380.174*	*(52.066.122)*
+ CN Khai thác khoáng sản PVC Thanh Hóa	*234.244.500*	*(234.244.500)*	*234.244.500*	*(234.244.500)*
+ Công ty CP ĐTTM Xây dựng Điện 6	*368.735.181*	*(184.367.591)*	*368.735.181*	*(184.367.591)*
Cộng	677.359.855	(470.678.213)	677.359.855	(470.678.213)

7 . Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.391.496	-	686.119.857	-
Công cụ, dụng cụ	32.015.842	-	36.112.607	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	146.641.801.091	-	95.166.942.857	-
Cộng	146.678.208.429	-	95.889.175.321	-

8 . Chi phí trả trước

	31/12/2019	01/01/2019
a, Ngắn hạn	205.553.059	2.904.005.714
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.935.289	15.446.008
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	203.617.770	2.888.559.706
b, Dài hạn	132.858.584	465.573.894
Chi phí trả trước dài hạn khác	132.858.584	465.573.894
Cộng	338.411.643	3.369.579.608

9 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu năm	8.554.256.647	72.890.798.345	20.097.861.859	203.874.545	101.746.791.396
Số tăng trong năm	-	19.459.051.439	-	-	19.459.051.439
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	*19.459.051.439*	-	-	*19.459.051.439*
Số giảm trong năm	-	11.932.108.299	-	-	11.932.108.299
Thanh lý, nhượng bán	-	*11.932.108.299*	-	-	*11.932.108.299*
Số dư cuối năm	8.554.256.647	80.417.741.485	20.097.861.859	203.874.545	109.273.734.536
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.271.790.750	43.609.802.428	10.286.481.471	106.601.842	56.274.676.491
Số tăng trong năm	342.170.268	11.472.427.323	1.699.882.284	40.991.508	13.555.471.383
Khấu hao trong năm	*342.170.268*	*7.376.910.603*	*1.699.882.284*	*40.991.508*	*9.459.954.663*
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	*4.095.516.720*	-	-	*4.095.516.720*
Số giảm trong năm	-	2.210.100.774	-	-	2.210.100.774
Thanh lý, nhượng bán	-	*2.210.100.774*	-	-	*2.210.100.774*
Số dư cuối năm	2.613.961.018	52.872.128.977	11.986.363.755	147.593.350	67.620.047.100
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	6.282.465.897	29.280.995.917	9.811.380.388	97.272.703	45.472.114.905
Tại ngày cuối năm	5.940.295.629	27.545.612.508	8.111.498.104	56.281.195	41.653.687.436

Trong đó:

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại 31/12/2019 đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay: 37.338.796.177

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2019 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 36.466.891.481

10 . Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	19.197.444.548		19.197.444.548
Số tăng trong năm	-		-
Số giảm trong năm	19.197.444.548		19.197.444.548
- Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	*19.197.444.548*		*19.197.444.548*
Số dư cuối năm	-		-
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.394.642.529		3.394.642.529
Số tăng trong năm	700.874.191		700.874.191
- Khấu hao trong năm	*700.874.191*		*700.874.191*
Số giảm trong năm	4.095.516.720		4.095.516.720
- Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	*4.095.516.720*		*4.095.516.720*
Số dư cuối năm	-		-
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	15.802.802.019		15.802.802.019
Tại ngày cuối năm	-		-

11 . Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con	**20.000.000.000**	**(2.156.108.971)**	**17.843.891.029**	**20.000.000.000**	**(2.194.351.611)**	**17.805.648.389**
Công ty TNHH MTV + Vật liệu Xây dựng Licogi 16	20.000.000.000	(2.156.108.971)	17.843.891.029	20.000.000.000	(2.194.351.611)	17.805.648.389

12 . Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	99.753.713.609	99.753.713.609	73.152.235.186	73.152.235.186
- Cty CP Xây Lắp Thủy sản Việt Nam - CN Đà nẵng	*326.931.000*	*326.931.000*	*326.931.000*	*326.931.000*
- Công ty cổ phần JITTA	*4.129.862.200*	*4.129.862.200*	*4.179.862.200*	*4.179.862.200*
- Công ty TNHH MTV XD và VT Sơn Hà	*4.127.434.425*	*4.127.434.425*	*2.463.502.543*	*2.463.502.543*
- Công ty TNHH SM TM Xây dựng TPA	*882.309.750*	*882.309.750*	*727.482.250*	*727.482.250*
- Công ty cổ phần Nhật Nam	*2.297.873.069*	*2.297.873.069*	*625.670.334*	*625.670.334*
- CN Công ty TNHH TM và DV Phú Hưng tại HN	*4.138.089.879*	*4.138.089.879*	*4.108.592.690*	*4.108.592.690*
- Công ty Cổ phần Licogi 13	*895.540.412*	*895.540.412*	*4.141.203.320*	*4.141.203.320*
- Công ty Cổ phần Licogi 16	*17.500.485.096*	*17.500.485.096*	*20.080.379.179*	*20.080.379.179*
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	*65.455.187.778*	*65.455.187.778*	*36.498.611.670*	*36.498.611.670*
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-
Cộng	99.753.713.609	99.753.713.609	73.152.235.186	73.152.235.186

13 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
- Công ty cổ phần BOT Bắc giang Lạng sơn	*24.963.933*	-
- Công ty Cổ phần Licogi 13	*3.100.024.936*	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	*756.563.164*	*46.509.200*
Cộng	3.881.552.033	46.509.200

14 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
Thuế giá trị gia tăng	812.606.883	29.659.425.096	30.472.031.979	-
Thuế thu nhập cá nhân	489.288.695	72.107.888	193.195.486	368.201.097
Thuế tài nguyên	-	31.447.659	31.447.659	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các loại thuế khác	-	3.449.440	3.449.440	-
Cộng	**1.301.895.578**	**29.769.430.083**	**30.703.124.564**	**368.201.097**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Chi phí lãi vay trích trước	179.991.526	-
Chi phí phải trả khác	-	6.667.775.085
Cộng	179.991.526	6.667.775.085

16 . Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019	01/01/2019
- Kinh phí công đoàn	493.544.019	442.577.447
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.252.425.227	1.465.544.354
- Các khoản phải trả, phải nộp khác:	10.639.443.373	14.101.715.637
+ Phải trả về cổ tức	*38.158.600*	*38.158.600*
+ Công ty CP Licogi 16	*3.703.100.000*	*3.700.000.000*
+ Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	*644.074.520*	*406.074.520*
+ Vay cá nhân	*2.350.000.000*	*7.850.000.000*
+ Phải trả phải nộp khác	*3.904.110.253*	*2.107.482.517*
- Tạm ứng dư Có	2.666.669.973	4.129.261.783
- Phải thu khác dư Có	-	25.365.613
Cộng	16.052.082.592	20.164.464.834

17 . Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2019	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	01/01/2019
17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	**97.687.742.144**	**174.595.685.412**	**183.022.385.887**	**106.114.442.619**
a, Vay ngắn hạn	97.687.742.144	174.595.685.412	183.022.385.887	106.114.442.619
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội (1)	*84.987.742.144*	*143.104.220.853*	*157.573.674.960*	*99.457.196.251*
Ngân hàng Viettin bank Thành An (2)	*12.700.000.000*	*31.491.464.559*	*25.448.710.927*	*6.657.246.368*
17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	**2.415.274.066**	-	**12.217.373.559**	**14.632.647.625**
a, Vay dài hạn	2.415.274.066	-	4.229.049.376	6.644.323.442
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội (3)	*281.250.000*	-	*2.743.750.000*	*3.025.000.000*
Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội, chi nhánh Bà Triệu (4)	*2.134.024.066*	-	*1.485.299.376*	*3.619.323.442*
b, Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	7.988.324.183	7.988.324.183
Công ty TNHH cho thuê tài chính QT Chailease - CN Hà Nội (5)	-	-	*7.988.324.183*	*7.988.324.183*
17.3 Số có khả năng trả nợ	**100.103.016.210**			**120.747.090.244**
a, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	97.687.742.144	-	-	106.114.442.619
b, Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.415.274.066	-	-	14.632.647.625

Thông tin chi tiết liên quan tới các khoản vay và nợ thuê tài chính:

(1) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/1672957/HĐTD ngày 14/10/2019. Hạn mức tín dụng: 145.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

(2) Khoản vay theo hợp đồng cho vay từng lần của ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam số 1209/2019-HĐCVTL/NHCT320-LICOGI166. Tổng giá trị cho vay không vượt quá 20.000.000.000 đồng nhưng dư nợ tại mọi thời điểm không vượt quá 20.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng:Thanh toán tiền mua đá cho Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Licogi 166 theo Hợp đồng mua bán đá xây dựng số 20.6/2019/HĐMB ngày 20/06/2019 và Hợp đồng mua bán đá xây dựng số 0104/2019/HĐMB. Thời hạn cho vay là 08 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân Khoản nợ đầu tiên (thời hạn giải ngân là thời gian từ ngày ký hợp đồng này cho đến hết ngày 31/12/2019). Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9,5%/năm.

(3) Khoản vay theo hợp đồng vay trung hạn số 02/1672957/2015/HDTDTH ngày 29/12/2015 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Hạn mức tín dụng 8.725.000.000đ. Mục đích vay: thanh toán tiền đầu tư Dự án:" Đầu tư máy công trình và phương tiện vận tải bao gồm 4 ô tô tái 3 chân, 1 máy đào bánh lốp, 4 máy lu rung. Thời hạn vay 48 tháng, áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, lãi phạt quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo là: Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Dự án.

(4) Khoản vay theo hợp đồng số 15083.18.076.1190032.TD ngày 11/5/2018 của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội, số tiền cho vay: 1.900.000.000 đồng. Mục đích vay: Cho vay bù đắp tiền mua 3 xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CNHTC biển kiểm soát 29C-87.84, 29C-788.87, 29C-788.68 theo hợp đồng mua bán số 56/SV-LCG/HĐMB 2017 ký ngày 28/9/2017 giữa khách hàng với công ty CP Xuất nhập khẩu máy Sao Việt. Thời hạn vay: 42 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời hạn cho vay cụ thể sẽ được quy định trong từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo: 3 xe ô tô biển kiểm soát 29C-87.84, 29C-788.87, 29C-788.68 với tỷ lệ duy trì nghĩa vụ tài chính tối đa là 70%. Khế ước nhận nợ số LD1813405109 ngày 14/5/2018, số tiền giải ngân 1.900.000.000 đồng. Mục đích sử dụng: Cho vay bù đắp tiền mua 3 xe ô tô tải tự đổ, thời hạn vay kể từ ngày 15/5/2018 đến ngày 14/11/2021, lãi suất thả nổi, lãi suất cho vay tại ngày giải ngân là 10%/năm, biên độ lãi suất 2,8%/năm.

(5) Công ty thuê máy móc thi công xây dựng theo các hợp đồng thuê tài chính ký với Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Chailease ngày 14/03/2016, ngày 13/06/2016, ngày 31/8/2017.

18 . Vốn chủ sở hữu

18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Tổng cộng
Số dư 01/01/2018	76.000.000.000	-	5.990.880.189	203.004.974	82.193.885.163
Tăng vốn trong năm	-	-	-	1.112.387.357	1.112.387.357
Lãi trong năm	-	-	-	*1.112.387.357*	*1.112.387.357*
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2018	76.000.000.000	-	5.990.880.189	1.315.392.331	83.306.272.520
Số dư 01/01/2019	76.000.000.000	-	5.990.880.189	1.315.392.331	83.306.272.520
Tăng vốn trong năm	-	-	-	1.211.196.146	1.211.196.146
Lãi trong năm	-	-	-	*1.211.196.146*	*1.211.196.146*
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2019	76.000.000.000	-	5.990.880.189	2.526.588.477	84.517.468.666

18.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2019	01/01/2019
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các cổ đông khác	76.000.000.000	76.000.000.000
Cộng	76.000.000.000	76.000.000.000

18.3. Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	76.000.000.000	76.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	76.000.000.000	76.000.000.000

	31/12/2019	01/01/2019
18.4. Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.600.000	7.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng	7.600.000	7.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.600.000	7.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.600.000	7.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.600.000	7.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: Đồng

1 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	280.010.096.863	299.164.498.292
Cộng	**280.010.096.863**	**299.164.498.292**
(*)Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan	*7.237.735.489*	*32.124.576.704*
- Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Licogi 166	*7.237.735.489*	*32.124.576.704*

2 . Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	280.010.096.863	299.164.498.292
Cộng	**280.010.096.863**	**299.164.498.292**

3 . Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng bán	262.105.300.503	280.635.859.547
Cộng	**262.105.300.503**	**280.635.859.547**

4 . Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	45.900.795	497.110.519
Cộng	**45.900.795**	**497.110.519**

5 . Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	8.055.845.166	9.346.321.966
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(38.242.640)	(813.266.692)
Cộng	**8.017.602.526**	**8.533.055.274**

6 . Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý tài sản cố định	-	939.144.449
Trong đó		
+ Thu thanh lý tài sản cố định		*957.272.727*
+ Giá trị còn lại của tài sản cố định		*18.128.278*
Cộng	-	939.144.449

7 . Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý tài sản cố định	2.085.643.887	-
Trong đó		
+ Thu thanh lý tài sản cố định	*7.636.363.638*	-
+ Giá trị còn lại của tài sản cố định	*9.722.007.525*	-
- Các khoản truy thu, phạt thuế		84.217.907
Cộng	2.085.643.887	84.217.907

8 . Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	4.255.026.527	5.024.770.465
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.381.228.069	5.210.462.710
Cộng	6.636.254.596	10.235.233.175

9 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
a. Lợi nhuận trước thuế	1.211.196.146	1.112.387.357
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế		
a.1 Các khoản điều chỉnh tăng	-	204.217.907
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	-	*120.000.000*
+ Phạt vi phạm hành chính	-	*84.217.907*
a.2 Các khoản điều chỉnh giảm	1.211.196.146	1.316.605.264
+ Bù lỗ năm trước	*1.211.196.146*	*1.316.605.264*
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(a.1)-(a.2)	-	-
d. Thuế TNDN ={(c)*thuế suất thuế TNDN}	-	-

11 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	53.396.951.605	111.040.922.473
Chi phí nhân công	8.623.169.003	12.694.135.349
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.160.828.854	11.588.392.452
Chi phí dịch vụ mua ngoài	239.477.757.726	139.880.258.251
Chi phí khác bằng tiền	8.557.706.145	30.364.273.103
Cộng	320.216.413.333	305.567.981.628

VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác:

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

3 . Thông tin về các bên liên quan

3.1 Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Licogi 166	Hà Tĩnh	Công ty con

3.2 Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

TT	Các bên liên quan	Năm nay	Năm trước
	a, Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ		
2	Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Licogi 166	7.237.735.489	32.124.576.704
	b, Mua đá, tài sản cố định, thuê máy, thuê thiết bị, thí nghiệm công trình		
2	Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Licogi 166	17.898.044.164	22.535.176.518

3.3 Số dư với các bên liên quan tại ngày 31/12/2019:

TT	Các bên liên quan	31/12/2019	01/01/2019
	a, Trả trước cho người bán ngắn hạn		
1	Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Licogi 166	42.489.537.599	32.586.244.565
	Cộng	42.489.537.599	32.586.244.565

3.4 Giao dịch với các bên liên quan khác:

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc năm 2019:

TT	Bộ phận	Thu nhập
	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc	872.497.917
	Cộng	872.497.917

4 . Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 26/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/2/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5 . Công cụ tài chính

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	3.461.219.065	-	7.825.968.657	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	42.732.328.411	(470.678.213)	80.503.155.120	(470.678.213)
Đầu tư ngắn hạn	371.000.000	-	2.200.000.000	-
Đầu tư dài hạn	20.000.000.000	(2.156.108.971)	20.000.000.000	(2.194.351.611)
Cộng	66.564.547.476	(2.626.787.184)	110.529.123.777	(2.665.029.824)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	115.805.796.201	93.316.700.020
Chi phí phải trả	179.991.526	6.667.775.085
Các khoản vay	100.103.016.210	120.747.090.244
Cộng	216.088.803.937	220.731.565.349

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

- Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

- Ngoại trừ các khoản nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy định kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với khách hàng lớn.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm			
Các khoản vay	97.687.742.144	2.415.274.066	100.103.016.210
Phải trả người bán	99.753.713.609	-	99.753.713.609
Chi phí phải trả	179.991.526	-	179.991.526
Phải trả khác	16.052.082.592	-	16.052.082.592
Số đầu năm			
Các khoản vay	106.114.442.619	14.632.647.625	120.747.090.244
Phải trả người bán	73.152.235.186	-	73.152.235.186
Chi phí phải trả	6.667.775.085	-	6.667.775.085
Phải trả khác	20.164.464.834	-	20.164.464.834

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (USD).

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

6 . **Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm 2018 của Công ty Cổ phần Licogi 166 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

7 . **Thông tin về hoạt động liên tục**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Thị Hằng	Hà Thị Huê	Vũ Công Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10-32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 166 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 166 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0102264629, do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18/05/2007, thay đổi lần 13 ngày 22/03/2019.
Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Họ và tên		Chức vụ
Ông:	Phí Ngọc Anh	Chủ tịch
Ông:	Vũ Công Hưng	Thành viên
Ông:	Nguyễn Anh Tú	Thành viên
Ông:	Lê Đình Đáp	Thành viên
Bà :	Bùi Thị Nhân Huệ	Thành viên HĐQT độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Họ và tên		Chức vụ
Ông:	Vũ Công Hưng	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Licogi 166 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 16/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020
TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Vũ Công Hưng

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

Số : 339/BCKT/TC/NV7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Licogi 166

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Licogi 166 được lập ngày 10/03/2020 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Thành viên Hãng kiểm toán MGI Quốc tế
mgiworldwide

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Licogi 166 tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TRẦN TRÍ DŨNG
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHNKT số: 0895-2018-126-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

ĐỖ THỊ DUYÊN
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHNKT số: 3642-2016-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**253.659.986.647**	**234.326.838.081**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.01	**3.476.240.753**	**7.841.281.647**
1. Tiền	111		3.476.240.753	2.586.281.647
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5.255.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**371.000.000**	**2.200.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	371.000.000	2.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**55.376.875.489**	**94.586.095.540**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	33.324.453.489	60.839.615.344
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	12.458.663.717	10.200.849.882
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	10.064.436.496	24.016.308.527
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(470.678.213)	(470.678.213)
IV. Hàng tồn kho	**140**	V.07	**192.141.054.926**	**125.962.952.356**
1. Hàng tồn kho	141		192.141.054.926	125.962.952.356
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.294.815.479**	**3.736.508.538**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	205.553.059	2.904.005.714
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.089.262.420	832.502.824
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**59.059.208.396**	**81.333.625.324**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**1.058.860.000**	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	1.058.860.000	-
II. Tài sản cố định	**220**		**53.366.699.145**	**75.487.928.629**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	53.366.699.145	59.685.126.610
- Nguyên giá	*222*		*129.273.734.536*	*121.746.791.396*
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	*223*		*(75.907.035.391)*	*(62.061.664.786)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	-	15.802.802.019
- Nguyên giá	*225*		-	*19.197.444.548*
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	*226*		-	*(3.394.642.529)*
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**4.633.649.251**	**5.845.696.695**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	4.633.649.251	5.845.696.695
2. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**312.719.195.043**	**315.660.463.405**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		**228.201.726.377**	**232.354.190.885**
I. Nợ ngắn hạn	310		**225.786.452.311**	**217.721.543.260**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	101.132.837.931	74.647.905.352
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	4.510.161.073	46.509.200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	896.989.560	2.646.355.293
4. Phải trả người lao động	314		4.018.862.183	6.785.669.049
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	179.991.526	6.667.775.085
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	17.351.305.234	20.804.324.002
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	97.687.742.144	106.114.442.619
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		8.562.660	8.562.660
II. Nợ dài hạn	330		**2.415.274.066**	**14.632.647.625**
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	2.415.274.066	14.632.647.625
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		**84.517.468.666**	**83.306.272.520**
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	**84.517.468.666**	**83.306.272.520**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		76.000.000.000	76.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*76.000.000.000*	*76.000.000.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.990.880.189	5.990.880.189
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.526.588.477	1.315.392.331
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		*1.315.392.331*	*(2.804.613.329)*
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP kỳ này	421b		*1.211.196.146*	*4.120.005.660*
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		**312.719.195.043**	**315.660.463.405**

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Thị Hằng	Hà Thị Huê	Vũ Công Hưng

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	**275.527.699.776**	**286.617.253.715**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	**275.527.699.776**	**286.617.253.715**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	257.113.348.749	266.208.387.930
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		**18.414.351.027**	**20.408.865.785**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	46.114.348	497.317.103
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	8.055.845.166	9.346.321.966
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*8.055.845.166*	*9.346.321.966*
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25		-	308.631.664
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	7.107.780.176	10.993.768.443
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		**3.296.840.033**	**257.460.815**
12. Thu nhập khác	31	VI.7	-	939.144.449
13. Chi phí khác	32	VI.8	2.085.643.887	84.217.907
14. Lợi nhuận khác	40		(2.085.643.887)	854.926.542
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		**1.211.196.146**	**1.112.387.357**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		**1.211.196.146**	**1.112.387.357**
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.211.196.146	1.112.387.357
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	159	146
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	159	146

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Thị Hằng	Hà Thị Huê	Vũ Công Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	*01*	*1.211.196.146*	*1.112.387.357*
2. Điều chỉnh cho các khoản		*22.756.203.555*	*21.998.252.862*
- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	02	12.660.828.850	14.088.392.448
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	2.039.529.539	(1.436.461.552)
- Chi phí lãi vay	06	8.055.845.166	9.346.321.966
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	*08*	*23.967.399.701*	*23.110.640.219*
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	36.750.600.455	11.816.390.428
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(66.178.102.570)	(15.643.159.193)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	16.311.618.000	(20.170.239.727)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.910.500.099	(1.512.112.485)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(7.875.853.640)	(9.506.508.327)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(73.511.380)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	*6.886.162.045*	*(11.978.500.465)*
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(261.606.891)	(7.413.565.834)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	7.779.363.638	814.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.357.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.186.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	46.114.348	497.317.103
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*	*9.392.871.095*	*(6.101.976.004)*
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	174.595.685.412	195.680.582.338
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(187.251.435.263)	(171.297.154.240)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(7.988.324.183)	(4.249.638.018)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(20.644.074.034)	*20.133.790.080*
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(4.365.040.894)	2.053.313.611
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.841.281.647	5.787.968.036
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.476.240.753	7.841.281.647

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Thị Hằng	Hà Thị Huê	Vũ Công Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166